

**HỒ SƠ QUỐC GIA VỀ
AN TOÀN - VỆ SINH LAO ĐỘNG
Ở VIỆT NAM**
(Cập nhật, bổ sung năm 2008)

LỜI GIỚI THIỆU

Nhằm tiếp tục cập nhật các chính sách quốc gia, các văn bản pháp luật về an toàn - vệ sinh lao động (ATVSLĐ) đã được xây dựng trong thời gian từ năm 2006- 2008, đồng thời đánh giá tình hình ATVSLĐ trong những năm qua cũng như nhận định những thách thức trong thời gian tới, Bộ Lao động – thương binh và Xã hội cùng với các cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng và cập nhật thông tin vào Hồ sơ quốc gia về ATVSLĐ.

Ban Biên tập xin chân thành cảm ơn các tổ chức, cá nhân đã giúp đỡ, hợp tác trong việc cung cấp thông tin, đưa ra các đánh giá, nhận định và các đề xuất nhằm làm tốt công tác ATVSLĐ trong thời gian tới.

Để đảm bảo việc thông tin được thông suốt, đầy đủ và việc xây dựng hồ sơ trở thành một hoạt động thường niên, đáp ứng các yêu cầu chung trong hội nhập của ASEAN, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội mong tiếp tục nhận được sự hợp tác chặt chẽ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin cho việc xây dựng Hồ sơ quốc gia về an toàn - vệ sinh lao động.

Trong quá trình cập nhật và xây dựng hồ sơ quốc gia không tránh khỏi những thiếu sót, Ban Biên tập mong nhận được các ý kiến góp ý để tiếp tục hoàn thiện.

Xin trân trọng giới thiệu tới bạn đọc./.

Ban Biên tập

Các từ viết tắt

ASEAN	Hiệp hội các nước Đông nam á
ATHC:	An toàn hoá chất
ATLĐ	An toàn lao động
ATSKLĐ	An toàn – sức khoẻ lao động
ATVSLĐ:	An toàn – vệ sinh lao động
ATVSV	An toàn – vệ sinh viên
BHLĐ	Bảo hộ lao động
BHXH:	Bảo hiểm xã hội
BLĐTBXH:	Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (MOLISA)
BNN&PTNT:	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
BNN:	Bệnh nghề nghiệp
BSPS:	Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp
BV-KDTV:	Bảo vệ, kiểm dịch thực vật
BVMT:	Bảo vệ môi trường
BVTV:	Bảo vệ thực vật
BYT:	Bộ Y tế
CD:	Công đoàn
CIS:	Trung tâm thông tin an toàn
CTQG:	Chương trình quốc gia về Bảo hộ lao động, an toàn lao động, vệ sinh lao động
DN:	Doanh nghiệp
ĐKLĐ	Điều kiện lao động
FAO:	Tổ chức Nông lương thế giới
HTX:	Hợp tác xã
ILO:	Tổ chức Lao động quốc tế
ISO:	Tổ chức Tiêu chuẩn quốc tế
LĐLĐ:	Liên đoàn Lao động
NLĐ:	Người lao động
NSDLĐ:	Người sử dụng lao động
NILP:	Viện nghiên cứu KHKT Bảo hộ lao động
NIOEH	Viện Y học lao động và Vệ sinh môi trường
OSHAS:	Tiêu chuẩn trách nhiệm an toàn - vệ sinh lao động
OSHTC:	Trung tâm Huấn luyện an toàn - vệ sinh lao động
PCCN:	Phòng chống cháy nổ
PTM&CNVN:	Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI)
QLNN:	Quản lý nhà nước

SKLĐ&MT:	Sức khoẻ lao động và môi trường
SXTN::	Sản xuất thử nghiệm
TLĐLĐVN:	Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam (VGCL)
TLQG	Tuần lễ quốc gia về an toàn - vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ
TNLĐ:	Tai nạn lao động
UNDP:	Chương trình Phát triển Liên hiệp quốc
VN:	Việt Nam
VOSHA:	Hội Khoa học kỹ thuật An toàn và vệ sinh lao động Việt Nam
WHO:	Tổ chức Y tế thế giới
YHLĐ	Y học lao động
YTDP:	Y tế dự phòng
YTLĐ:	Y tế lao động

**CÁC TỔ CHỨC THAM GIA XÂY DỰNG
HỒ SƠ QUỐC GIA VỀ AN TOÀN - VỆ SINH LAO ĐỘNG**

TT	Chức danh, đơn vị
1	Cục An toàn lao động, BLĐTBXH
2	Thanh tra Bộ, BLĐTBXH
3	Cục Y tế dự phòng và Môi trường
4	Ban Bảo hộ lao động - TLĐLĐVN
5	Cục Phòng cháy Chữa cháy, Bộ Công an
6	Cục Kỹ thuật An toàn công nghiệp và Môi trường công nghiệp, Bộ Công nghiệp
7	Vụ Quản lý hoạt động xây dựng, Bộ Xây dựng
8	Tổng Cục Kỹ thuật, Bộ Quốc phòng
9	Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường, Bộ Giáo dục và Đào tạo
10	Viện Y học lao động và Vệ sinh môi trường
11	Viện Nghiên cứu KHKT Bảo hộ lao động
12	Ban Thực hiện chính sách Bảo hiểm Xã hội
13	Hội Khoa học kỹ thuật An toàn và vệ sinh lao động Việt Nam
14	Ban Xã hội, Trung ương Hội Nông dân Việt Nam

Mục lục

1 - Những thay đổi về văn bản pháp luật liên quan đến ATVSLĐ từ năm 2006 đến 2008.....	7
1.1- Các văn bản mới được ban hành.....	7
1.2. Danh sách các văn bản đã hết hiệu lực	26
2 - Hoạt động đào tạo, huấn luyện ATVSLĐ cho công chức, viên chức, cán bộ ATVSLĐ, NSDLĐ, NLD, nông dân	27
2.1. Đào tạo, huấn luyện cho công chức	27
2.2. Đào tạo, huấn luyện cho NSDLĐ, người làm công tác ATVSLĐ tại doanh nghiệp	32
2.3. Đào tạo, huấn luyện cho NLD, nông dân.....	34
2.4. Tài liệu huấn luyện, giảng dạy	36
3 - Hoạt động thông tin, tuyên truyền và tư vấn về ATVSLĐ.....	38
3.1 - Tuần lễ quốc gia về ATVSLĐ-PCCN	39
3.2 - Tổ chức các hội thảo, hội nghị khoa học quốc tế và trong nước tại Việt Nam	43
3.3 - Các tài liệu tuyên truyền (tờ rơi, áp phích...).....	45
3.4 – Các hoạt động thông tin tuyên truyền khác.....	45
4 - Hoạt động thanh tra ATVSLĐ	47
5- Tình hình TNLD, BNN, sức khoẻ NLD	48
5.1- Tình hình TNLD năm 2005 -2008, nguyên nhân, giải pháp phòng ngừa	48
5.2 - Y tế lao động.....	50
5.3.Tình hình trợ cấp TNLD, BNN theo chế độ BHXH.....	62
6. Tình hình cháy nổ và công tác phòng cháy chữa cháy.....	64
7. Hoạt động của hệ thống công đoàn, mạng lưới an toàn - vệ sinh viên trong công tác ATVSLĐ.....	65
8. Hoạt động nghiên cứu về ATVSLĐ.....	66
9. Các hoạt động hợp tác quốc tế liên quan đến công tác ATVSLĐ-PCCN ...	72
10. Các hoạt động thường xuyên và sắp tới liên quan đến công tác ATVSLĐ, kể cả hợp tác quốc tế nhằm thúc đẩy, cải thiện các chương trình và hoạt động ATVSLĐ cấp quốc gia để hỗ trợ cải thiện an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc	75
11. Số doanh nghiệp, số lao động và mức thu nhập theo ngành kinh tế	75

1 - Những thay đổi về văn bản pháp luật liên quan đến ATVSLĐ từ năm 2006 đến năm 2008.

1.1- Các văn bản mới đã được ban hành

STT	Tên văn bản	Tóm tắt nội dung
I	Quốc hội	
1	Luật số 71/2006/QH11, ngày 29/6/2006 - Luật Bảo hiểm xã hội	<p>Với 141 Điều trong đó các Điều từ 39 đến 48, Điều 92, 114, 115, 118, 133 qui định cụ thể về chế độ đối với người bị TNLĐ, BNN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với người bị BNN được hưởng chế độ BNN khi có đủ 2 điều kiện: (1) Bị bệnh thuộc danh mục BNN do BHYT và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành khi làm việc trong môi trường hoặc nghề có yếu tố độc hại; (2) Suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên do bị bệnh quy định tại khoản 1 Điều này. - Giám định hoặc giám định lại mức suy giảm khả năng lao động khi: (1) Sau khi thương tật, bệnh tật đã được điều trị ổn định; (2) Sau khi thương tật, bệnh tật tái phát đã được điều trị ổn định. Được giám định tổng hợp mức suy giảm khả năng lao động khi: (1) vừa bị TNLĐ vừa bị BNN; (2) Bị TNLĐ nhiều lần; (3) Bị nhiều BNN. - Trợ cấp một lần: NLĐ bị suy giảm khả năng lao động từ 5% đến 30% thì được hưởng trợ cấp một lần theo mức sau: Suy giảm 5% khả năng lao động thì được hưởng năm tháng lương tối thiểu chung, sau đó cứ suy giảm thêm 1% thì được hưởng thêm 0,5 tháng lương tối thiểu chung. Ngoài ra, còn được hưởng thêm khoản trợ cấp tính theo số năm đã đóng bảo hiểm xã hội, từ một năm trở xuống thì được tính bằng 0,5 tháng, sau đó cứ thêm mỗi năm đóng bảo hiểm xã hội được tính thêm 0,3 tháng tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm xã hội của tháng liền kề trước khi nghỉ việc để điều trị. - Trợ cấp hàng tháng: NLĐ bị suy giảm khả năng lao động từ 31% trở lên thì được hưởng trợ cấp hàng tháng theo các mức được quy định như sau: Suy giảm 31% khả năng lao động thì được hưởng bằng 30% mức lương tối thiểu chung, sau đó cứ suy giảm thêm 1% thì được hưởng thêm 2% mức lương tối thiểu chung. Ngoài ra, hàng tháng còn được hưởng thêm một khoản trợ

	<p>cấp tính theo số năm đã đóng bảo hiểm xã hội, từ một năm trở xuống được tính bằng 0,5%, sau đó cứ thêm mỗi năm đóng bảo hiểm xã hội được tính thêm 0,3% mức tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm xã hội của tháng liền kề trước khi nghỉ việc để điều trị.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cấp phương tiện trợ giúp sinh hoạt, dụng cụ chỉnh hình theo niên hạn căn cứ vào tình trạng thương tật, bệnh tật. - Trợ cấp phục vụ: người bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên mà bị liệt cột sống, mù hai mắt hoặc cụt, liệt hai chi hoặc bị bệnh tâm thần thì được hưởng trợ cấp phục vụ bằng mức lương tối thiểu chung. - Trợ cấp một lần khi chết trong thời gian điều trị lần đầu do TNLĐ, BNN thì thân nhân được hưởng trợ cấp một lần bằng 36 tháng lương tối thiểu chung. - Dưỡng sức, phục hồi sức khỏe: Sau khi điều trị ổn định thương tật mà sức khỏe còn yếu thì được nghỉ dưỡng sức phục hồi sức khỏe từ năm ngày đến mười ngày. Mức hưởng một ngày bằng 25% mức lương tối thiểu chung nếu nghỉ tại gia đình; bằng 40% mức lương tối thiểu chung nếu nghỉ tại cơ sở tập trung. - Đóng góp vào quỹ TNLĐ, BNN: NSDLĐ đóng: 1% trên quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm xã hội của NLĐ; Riêng với đối tượng là hạ sĩ quan, binh sĩ quân đội, hạ sĩ quan và chiến sĩ công an nhân dân phục vụ có thời hạn thì 1% trên mức lương tối thiểu chung đối với mỗi NLĐ. - Hồ sơ: Sổ bảo hiểm xã hội; Biên bản điều tra TNLĐ, trường hợp bị tai nạn giao thông được xác định là TNLĐ thì phải có thêm bản sao Biên bản tai nạn giao thông, hoặc đối với BNN là biên bản đo đạc môi trường có yếu tố độc hại; Giấy ra viện sau khi điều trị TNLĐ, BNN (không điều trị BNN tại bệnh viện thì phải có giấy khám BNN); Biên bản giám định mức suy giảm khả năng lao động của Hội đồng Giám định y khoa; Văn bản đề nghị giải quyết chế độ TNLĐ, BNN. - Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày BHXH nhận được hồ sơ hợp lệ
--	---

		do NSDLĐ nộp; Nếu không giải quyết thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Khen thưởng ATVSLĐ (Khoản 2, Điều 133): NSDLĐ thực hiện tốt công tác bảo hộ lao động, phòng ngừa TNLĐ, BNN được khen thưởng từ quỹ bảo hiểm TNLĐ, BNN theo quy định của Chính phủ.
2	Luật số 84/2007/QH11, ngày 2/4/2007 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 73 của Bộ luật Lao động	NLĐ được nghỉ hưởng nguyên lương vào các ngày lễ sau: Tết dương lịch 1 ngày (ngày 1 tháng 1); Tết âm lịch 4 ngày (1 ngày cuối năm và 3 ngày đầu năm âm lịch); ngày giỗ tổ Hùng vương 1 ngày (ngày 10 tháng 3 âm lịch); Ngày chiến thắng 1 ngày (30/4 dương lịch); Ngày quốc tế lao động 1 ngày (ngày 1/5 dương lịch); Ngày quốc khánh 1 ngày (ngày 2/9 dương lịch). Nếu ngày nghỉ lễ trùng ngày nghỉ cuối tuần thì được nghỉ bù vào ngày tiếp theo.
II	Chính phủ	
3	Nghị định số 09/2006/NĐ-CP ngày 16/01/2006 của Chính phủ quy định về phòng cháy và chữa cháy rừng	Nghị định gồm 8 chương, 41 điều quy định chi tiết về phòng cháy, chữa cháy rừng; về tổ chức lực lượng, trang bị phương tiện, đầu tư kinh phí, về chế độ, chính sách cho hoạt động PCCC rừng; trách nhiệm của chính quyền các cấp, các cơ quan tổ chức, hộ gia đình và cá nhân trong hoạt động PCCC rừng.
4	Chỉ thị số 02/2006/CT-TTg ngày 23/01/2006 của Thủ tướng Chính phủ	Về việc tăng cường chỉ đạo và thực hiện có hiệu quả công tác phòng cháy và chữa cháy;
5	Chỉ thị số 10/2008/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 14/3/2008 về việc Tăng cường thực hiện công tác bảo hộ lao động, an toàn lao động	<ul style="list-style-type: none"> - Thủ tướng đã chỉ thị từng Bộ có trách nhiệm kiểm tra công tác bảo hộ, an toàn, vệ sinh lao động ở lĩnh vực phụ trách. Thủ tướng yêu cầu các bộ trưởng, Chủ tịch UBND tỉnh thành chịu trách nhiệm trước Chính phủ nếu để xảy ra TNLĐ gây hậu quả nghiêm trọng. - Thủ tướng yêu cầu Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Ủy ban nhân dân các tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức chính trị xã hội thực hiện tốt việc xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai, điều phối có hiệu quả các hoạt động của Chương trình Quốc gia về bảo hộ lao động, an

		<p>toàn lao động, vệ sinh lao động đến năm 2010; Rà soát, sửa đổi, bổ sung ban hành theo thẩm quyền hoặc kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành các qui định của pháp luật lao động về bảo hộ lao động, an toàn lao động; xây dựng và ban hành mới các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn lao động; nghiên cứu, đề xuất xây dựng Luật an toàn lao động, vệ sinh lao động; Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật lao động tại doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, nhất là công tác bảo hộ lao động, an toàn lao động trên các công trình trọng điểm, các khu công nghiệp tập trung, các cơ sở khai thác khoáng sản, khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng ... ; Xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật lao động về an toàn lao động gây hậu quả nghiêm trọng; Đẩy mạnh việc phổ biến, giáo dục, huấn luyện pháp luật lao động về bảo hộ lao động, an toàn lao động cho NSDLĐ và NLĐ; đồng thời phát động phong trào quần chúng thi đua làm tốt công tác bảo hộ lao động, an toàn lao động đến tận các cơ sở sản xuất, các công trình trọng điểm kể cả các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các cơ sở sản xuất tư nhân, các làng nghề, trang trại,...; Phối hợp với Đài truyền hình Việt Nam, Đài tiếng nói Việt Nam và các cơ quan thông tin đại chúng ở Trung ương và địa phương tăng cường tuyên truyền về bảo hộ lao động, an toàn lao động; Kiện toàn bộ máy làm công tác an toàn lao động và Thanh tra lao động ở Trung ương và địa phương, đồng thời tăng cường công tác đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ, nghiệp vụ và năng lực thanh tra, kiểm tra cho các Thanh tra viên.</p> <p>- Thủ tướng đã yêu cầu các cơ quan tổ tụng đưa ra truy tố, xét xử những người thiếu trách nhiệm, có hành vi vi phạm pháp luật, để xảy ra các vụ TNLĐ nghiêm trọng.</p>
6	<p>Chỉ thị số 18/2008/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 06/6/2008 về việc Tăng cường quản lý, chấn chỉnh hoạt</p>	<p>Thủ tướng Chính phủ chỉ thị:</p> <p>- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổng kiểm tra toàn bộ các mỏ đá đang được khai thác tại địa phương mình nhằm phát hiện và chấn chỉnh những vấn đề bất cập trong hoạt động khai thác đá.</p>

<p>động khai thác các mỏ đá đảm bảo an toàn trong khai thác</p>	<p>- Tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác đá: Thực hiện nghiêm các quy định hiện hành về thăm dò khoáng sản; Tuân thủ đầy đủ các quy định về lập, thẩm định và phê duyệt thiết kế khai thác mỏ; Tiến hành khai thác sau khi có thông báo về giám đốc điều hành mỏ có đủ tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn và năng lực quản lý, điều hành theo quy định; Nộp thiết kế mỏ và báo cáo đánh giá tác động môi trường cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và hoàn thành các thủ tục khác theo quy định; Tổ chức thi công khai thác theo đúng thiết kế được phê duyệt; đúng quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về an toàn trong khai thác đá lộ thiên. Tích cực áp dụng công nghệ khai thác tiên tiến, tiết kiệm tài nguyên và bảo vệ môi trường. Thi hành nghiêm thủ tục đóng cửa mỏ theo quy định của pháp luật về khoáng sản; Tuân thủ đầy đủ các quy định về tuyển dụng, hợp đồng lao động; chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hộ lao động và các quy định về an toàn - vệ sinh lao động trong hoạt động khai thác đá; Báo cáo định kỳ theo quy định và đột xuất khi có yêu cầu.</p> <p>- Bộ Xây dựng: Chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra việc lập và thực hiện quy hoạch, hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến đá làm vật liệu xây dựng, nguyên liệu sản xuất xi măng; Hướng dẫn, chỉ đạo việc áp dụng các công nghệ khai thác đá tiên tiến.</p> <p>- Bộ Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh rà soát, chấn chỉnh công tác cấp phép thăm dò, khai thác đá; Chủ trì, phối hợp với các Bộ, Ngành có liên quan nghiên cứu, rà soát và sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành điều chỉnh hoạt động thăm dò, khai thác đá.</p> <p>- Bộ Công thương: Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh rà soát, chấn chỉnh công tác lập, thẩm định và phê duyệt thiết kế mỏ; Đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định về điều kiện cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; Chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài nguyên và Môi trường rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng trong hoạt động thăm dò, khai</p>
---	---

		<p>thác đá.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tăng cường thanh tra, kiểm tra việc tuân thủ các quy định về tuyển dụng lao động, hợp đồng lao động, chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hộ lao động và đảm bảo an toàn - vệ sinh lao động trong khai thác đá; Chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tăng cường lực lượng thanh tra lao động có chuyên môn và năng lực phù hợp, đáp ứng yêu cầu thanh, kiểm tra an toàn - vệ sinh lao động trong khai thác mỏ.
7	<p>Quyết định số 233/2006/QĐ-TTg ngày 18/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về Bảo hộ lao động, An toàn lao động, Vệ sinh lao động đến 2010</p>	<p>1. Mục tiêu cụ thể đến năm 2010:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảm số vụ TNLĐ nghiêm trọng chết người; trung bình hàng năm giảm 5% tần suất TNLĐ trong các ngành, lĩnh vực có nguy cơ cao về TNLĐ (khai khoáng, xây dựng, sử dụng điện); - Hàng năm, giảm 10% số NLD mắc mới BNN; bảo đảm trên 80% NLD làm việc tại các cơ sở có nguy cơ bị các BNN được khám phát hiện BNN; - Bảo đảm 100% NLD đã xác nhận bị TNLĐ và BNN được điều trị, chăm sóc sức khỏe và phục hồi chức năng; - Trên 80% NLD làm các nghề, công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn - vệ sinh lao động và các cán bộ làm công tác an toàn - vệ sinh lao động được huấn luyện về an toàn - vệ sinh lao động; - Bảo đảm 100% số vụ TNLĐ chết người và TNLĐ nặng được điều tra, xử lý. <p>2 - Các nội dung chính</p> <p>(1) Các hoạt động nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về bảo hộ lao động bao gồm: hoàn thiện mô hình quản lý nhà nước về bảo hộ lao động, an toàn - vệ sinh lao động; xây dựng và hoàn thiện chính sách về bảo hộ lao động; điều tra tổng thể về TNLĐ; nâng cao năng lực hệ thống thanh tra, kiểm tra, giám sát an toàn lao động; xây dựng mô hình quản lý an toàn - vệ sinh lao động trong doanh nghiệp; xây dựng quỹ bồi thường TNLĐ, BNN; củng cố, đầu tư, xây dựng mới đối với các cơ sở phục hồi chức năng cho người bị TNLĐ và BNN; xây dựng Chương</p>

		<p>trình hợp tác quốc tế lĩnh vực trợ giúp kỹ thuật, đào tạo huấn luyện về an toàn - vệ sinh lao động.</p> <p>(2) Các hoạt động cải thiện điều kiện lao động trong doanh nghiệp, phòng, chống TNLĐ tập trung vào một số lĩnh vực có nguy cơ cao như khai thác khoáng sản, sử dụng điện, xây dựng..., khu vực doanh nghiệp vừa và nhỏ, sản xuất nông nghiệp và nông thôn; giảm thiểu nhiễm độc TNT trong việc cất giữ, bảo quản, sửa chữa, xử lý trang bị kỹ thuật phục vụ mục đích an ninh, quốc phòng.</p> <p>(3) Các hoạt động phòng, chống BNN, chăm sóc sức khỏe và phục hồi khả năng lao động, bao gồm: việc tăng cường giám sát, kiểm soát và khống chế các BNN phổ biến; tăng cường giám sát môi trường lao động, bảo đảm kiểm soát hiệu quả các yếu tố, nguy cơ gây BNN; kiện toàn và tăng cường công tác khám phát hiện, chẩn đoán, giám định, điều trị BNN và phục hồi chức năng; đầu tư nâng cấp các cơ sở khám phát hiện và điều trị BNN; nghiên cứu xây dựng, sửa đổi và bổ sung các quy định về chế độ, chính sách về BNN, bổ sung danh mục các BNN; tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục về nguy cơ và tác hại BNN.</p> <p>(4) Các hoạt động nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp quản lý, các tổ chức, cá nhân thông qua việc tăng cường năng lực và tổ chức các hoạt động thông tin, tuyên truyền, huấn luyện (xây dựng trang thông tin về bảo hộ lao động, an toàn lao động và vệ sinh lao động, tổ chức Tuần lễ quốc gia về an toàn vệ sinh lao động - phòng, chống cháy nổ, điều tra nhu cầu thông tin và huấn luyện...) và đẩy mạnh các hoạt động phong trào quần chúng làm công tác bảo hộ lao động.</p> <p>(5) Các hoạt động nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ về bảo hộ lao động, an toàn - vệ sinh lao động nhằm cải thiện điều kiện làm việc, xử lý ô nhiễm môi trường lao động trong các ngành sản xuất, đặc biệt là một số ngành nghề có nguy cơ cao để giảm thiểu BNN (khai thác than và khoáng sản, luyện kim, phân bón, hoá chất, xây dựng...) đồng thời ứng dụng các giải</p>
--	--	--

		<p>pháp an toàn nhằm hạn chế TNLD cho NLĐ làm việc trên các thiết bị, máy có nguy cơ rủi ro cao.</p> <p>(6) Các hoạt động của các Bộ, ngành, doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất kinh doanh trong việc xây dựng chương trình, kế hoạch bảo hộ lao động, an toàn - vệ sinh lao động phù hợp với đặc điểm hoạt động, sản xuất, kinh doanh của tổ chức, đơn vị, với nội dung về cải thiện điều kiện lao động, phòng ngừa TNLD, phòng, chống BNN tiến tới cam kết thực hiện tốt công tác an toàn - vệ sinh lao động và xây dựng văn hoá an toàn trong lao động.</p> <p>(7) Các hoạt động tổng kết, kiểm tra, giám sát nhằm đánh giá hiệu quả của Chương trình theo từng Dự án.</p> <p>3 – Các dự án của chương trình</p> <p>(1) Nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý nhà nước về bảo hộ lao động.</p> <p>(2) Cải thiện điều kiện lao động trong doanh nghiệp, tập trung giảm thiểu TNLD trong lĩnh vực khai thác khoáng sản, sử dụng điện và xây dựng.</p> <p>(3) Tăng cường công tác phòng ngừa TNLD và BNN trong sản xuất nông nghiệp và ngành nghề nông thôn.</p> <p>(4) Nâng cao chất lượng công tác bảo hộ lao động trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ.</p> <p>(5) Tăng cường phòng, chống BNN.</p> <p>(6) Tuyên truyền, giáo dục, huấn luyện nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, các tổ chức, cá nhân, phát huy vai trò của quần chúng tham gia công tác bảo hộ lao động.</p> <p>(7) Nâng cao năng lực nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ an toàn - vệ sinh lao động.</p> <p>4- Kinh phí ngân sách nhà nước cấp cho Chương trình là 242 tỷ đồng.</p>
8	<p>Nghị định số 130/2006/ ND-CP ngày 08/11/2006 của Chính phủ quy định chế độ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc.</p>	<p>Nghị định gồm 9 chương, 51 điều quy định chi tiết về chế độ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc đối với tài sản của các cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ; trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm, cơ sở phải mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc trong việc thực hiện chế độ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc; trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân</p>

		dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
9	Nghị định số 148/2006/NĐ-CP ngày 04/12/2006	về quy hoạch, xây dựng, quản lý và bảo vệ vành đai an toàn các kho đạn dược, vật liệu nổ, nhà máy sản xuất đạn dược, vật liệu nổ do Bộ Quốc phòng quản lý
10	Nghị định số 152/2006/NĐ-CP ngày 22/12/2006 hướng dẫn một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về Bảo hiểm xã hội Bắt buộc	Điều 24 qui định thời gian nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe trong một năm (tính cả ngày nghỉ lễ tết, ngày đi về nếu nghỉ tại cơ sở tập trung) do NSDLĐ và Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở hoặc Ban Chấp hành Công đoàn lâm thời quyết định. Tối đa 10 ngày đối với NLĐ suy giảm khả năng lao động từ 51% trở lên; Tối đa 7 ngày đối với NLĐ suy giảm khả năng lao động từ 31% đến 50%; 5 ngày đối với NLĐ suy giảm khả năng lao động từ 15% đến 30%.
III	Các Bộ, ngành	
11	Quyết định số 2013/2005/QĐ-BLĐTBXH ngày 29/12/2005 của Bộ trưởng LĐTBXH	Ban hành Quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn thiết bị áp lực, chai chứa khí, nồi hơi, hệ thống lạnh, đường ống dẫn nước nóng
12	Quyết định số 02/2006/QĐ-BLĐTBXH ngày 16/02/2006 của Bộ trưởng LĐTBXH	Ban hành quy chế sử dụng phiếu tự kiểm tra thực hiện pháp luật lao động
13	Thông tư số 04/2006/TT-BCN ngày 27/4/2006 của Bộ Công nghiệp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2005/TT-BCN ngày 29 tháng 3 năm 2005 của Bộ Công nghiệp hướng dẫn quản lý, sản xuất, kinh doanh cung ứng và sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.	Các đơn vị đã được Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ sản xuất VLNCN, khi đầu tư sản xuất mới hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng dây chuyền sản xuất phải lập dự án và đơn đề nghị Bộ Công nghiệp thẩm định dự án. Sau khi nghiệm thu công trình đầu tư, trước khi đưa vào sản xuất, chủ đầu tư phải lập hồ sơ đề nghị Bộ Công nghiệp thẩm định, cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất VLNCN. - Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất VLNCN; Xuất khẩu, nhập khẩu VLNCN - Sửa đổi, bổ sung mẫu giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, giấy phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp, giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vật liệu nổ công nghiệp.
14	Thông tư liên tịch số 10/2006/TTLT/BLĐTBXH - BYT	Mức bồi dưỡng bằng hiện vật tính theo định suất mỗi ngày làm việc có giá trị bằng tiền tương ứng như sau:

	<p>ngày 12/9/2006 Sửa đổi, bổ sung khoản 2, mục II Thông tư liên tịch số 10/1999/TTLT-BLĐTBXH-BYT ngày 17/3/1999 của Liên tịch LĐTBXH và BHYT hướng dẫn chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật với NLĐ làm việc trong điều kiện có ý tố nguy hiểm, độc hại</p>	<p>Mức 1: 4,000 đ, mức 2: 6,000 đ, mức 3: 8,000 đ, mức 4: 10,000 đ.</p>
<p>15</p>	<p>Quyết định số 34/2006/QĐ-BCN ngày 13/09/2006 quy định về kỹ thuật an toàn lưới điện hạ áp nông thôn;</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tiêu chuẩn thợ điện nông thôn - Huấn luyện về an toàn điện: <ul style="list-style-type: none"> + NSDLĐ; người làm công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động và thợ điện nông thôn của đơn vị quản lý điện nông thôn phải được huấn luyện về ATVSLĐ theo quy định của pháp luật về ATVSLĐ. Riêng nội dung về an toàn điện do Sở Công nghiệp tổ chức thực hiện. + Thợ điện nông thôn không đạt yêu cầu khi sát hạch định kỳ hoặc vi phạm các quy định về an toàn điện để xảy ra tai nạn trong khi làm việc thì đơn vị quản lý điện nông thôn không bố trí làm công việc liên quan trực tiếp đến điện. Trong thời hạn không quá 10 ngày đối với trường hợp không đạt yêu cầu khi sát hạch định kỳ, 30 ngày kể từ ngày không được bố trí làm việc liên quan trực tiếp đến điện đối với trường hợp vi phạm các quy định về an toàn điện để xảy ra tai nạn nhưng chưa đến mức buộc thôi việc hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, thợ điện nông thôn phải được Sở Công nghiệp sát hạch lại, nếu đạt yêu cầu thì được tiếp tục làm việc. Trường hợp sau 2 lần sát hạch lại liên tiếp vẫn không đạt yêu cầu thì đơn vị quản lý điện nông thôn phải thu hồi Thẻ an toàn điện nộp cho Sở Công nghiệp và không được bố trí người đó làm công việc liên quan đến điện. - Cấp, sử dụng và thu hồi Thẻ an toàn điện - Điều kiện để đấu nối vào lưới điện hạ áp - Tiêu chuẩn kỹ thuật đối với dây dẫn (đay dẫn, mối nối, lắp đặt), sứ cách điện, xà và giá dọc,

		<p>cột và móng cột, nối đất, đường dây giao chéo và đi gần các đường dây xây dựng khác</p> <ul style="list-style-type: none"> - An toàn khi làm việc ở lưới điện hạ áp nông thôn: Các biện pháp tổ chức, các biện pháp kỹ thuật, các biện pháp an toàn khi thực hiện công việc - An toàn trong lắp đặt và sử dụng điện : Lắp đặt và ghi chỉ số công tơ; lắp đặt và sử dụng điện, lắp đặt và sử dụng máy phát điện độc lập - Quản lý lưới điện hạ áp nông thôn: Trách nhiệm quản lý của đơn vị quản lý lưới điện nông thôn, của chủ sở hữu hoặc người sử dụng máy phát điện độc lập, của Sở công nghiệp; Các hành vi gây mất an toàn bị nghiêm cấm và xử lý; - Khai báo, điều tra tai nạn điện: Nếu nạn nhân là thợ điện nông thôn hoặc người được cử đến làm việc trên lưới điện nông thôn và tai nạn xảy ra gắn liền với việc họ thực hiện công việc được giao thì đơn vị quản lý điện nông thôn có trách nhiệm khai báo, điều tra tai nạn theo quy định của pháp luật về khai báo và điều tra TNLD; Nếu nạn nhân là các đối tượng khác bị tai nạn trên lưới điện hạ áp nông thôn, đơn vị quản lý điện nông thôn phải khai báo với cơ quan công an và chính quyền địa phương cấp xã; Đơn vị quản lý điện nông thôn báo cáo tất cả các trường hợp với Sở Công nghiệp.
16	Quyết định số 27/2006/QĐ-BYT ngày 21/9/2006 về bổ sung 4 BNN mới	<p>Bổ sung 04 BNN (kèm theo tiêu chuẩn chẩn đoán và tiêu chuẩn giám định) vào Danh mục các BNN được bảo hiểm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bệnh hen phế quản nghề nghiệp 2. Bệnh nhiễm độc cacbonmonoxit nghề nghiệp 3. Bệnh nốt dầu nghề nghiệp 4. Bệnh viêm loét da, viêm móng và xung quanh móng nghề nghiệp
17	Thông tư số 12/2006/TT-BYT của BYT ngày 10/11/2006 về hướng dẫn khám BNN	<p>Quy định Hồ sơ, quy trình và nội dung khám BNN; trách nhiệm của NSDLĐ, NLĐ và cơ sở khám BNN.</p> <p>Trước khi khám BNN, NSDLĐ phải chuẩn bị và gửi cho cơ sở khám BNN c0.</p> <p>Ấp giấy tờ sau: Giấy giới thiệu của NSDLĐ; Hồ sơ sức khỏe của NLĐ bao gồm hồ sơ khám sức khỏe tuyển dụng và hồ sơ khám sức khỏe định kỳ; Kết quả giám sát môi trường lao động mới</p>

		<p>nhất (không quá 24 tháng kể từ ngày đo); Hồ sơ cá nhân BNN</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp NLD đã nghỉ việc, nghỉ hưu, cơ quan bảo hiểm xã hội nơi trực tiếp quản lý bảo hiểm xã hội của NLD chịu trách nhiệm chuẩn bị các hồ sơ quy định tại điểm a khoản 1 phần II của Thông tư này; - Đối với các trường hợp mắc BNN cấp tính, NLD được khám, cấp cứu và điều trị kịp thời thì không cần áp dụng các quy định về thời gian như tại Phụ lục 2 và 3 của Thông tư này. - Hội chẩn được tiến hành đối với các trường hợp chẩn đoán các bệnh bụi phổi, phế quản, bệnh rung chuyển nghề nghiệp và các trường hợp vượt quá khả năng chuyên môn của bác sỹ khám BNN. Thời gian tiến hành hội chẩn không được vượt quá 15 ngày làm việc kể từ ngày khám BNN; Kết quả hội chẩn được hoàn chỉnh và ghi vào Biên bản hội chẩn BNN; Trường hợp có nghi ngờ về chẩn đoán, cơ sở khám BNN hoàn chỉnh biên bản hội chẩn và hồ sơ khám BNN chuyển lên tuyến trên để có chẩn đoán xác định cuối cùng. - Điều kiện, hồ sơ, thủ tục và thẩm quyền cho phép cơ sở có đủ điều kiện khám BNN - Hồ sơ khám BNN được lập thành 02 bộ; 01 bộ do NSDLĐ quản lý; Đối với NLD đã nghỉ hưu, cơ quan bảo hiểm xã hội quản lý hồ sơ này; 01 bộ lưu tại cơ sở khám BNN. <p>Trong thời gian 15 ngày sau khi có kết quả khám BNN, cơ sở khám BNN gửi bản tổng hợp kết quả khám cho NSDLĐ và Sở Y tế tỉnh, thành phố; Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Trung tâm Sức khỏe lao động và môi trường tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Trung tâm y tế Bộ, ngành thực hiện báo cáo định kỳ BNN về Cục Y tế dự phòng Việt Nam - BHYT và các Viện thuộc hệ y tế dự phòng.</p>
18	Quyết định số 08/2006/QĐ-BLĐTBXH ngày 20/11/2006 của Bộ trưởng LĐTBXH	Ban hành quy định về kiểm tra chất lượng các sản phẩm hàng hoá thuộc trách nhiệm của Bộ quy định tại Quyết định số 50/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ
19	Thông tư liên tịch số: 01/2007/TTLT/	Sự phối hợp giữa: + Đoàn điều tra TNLD (trừ Đoàn điều tra các vụ

	BLĐTBOXH-BCA-VKSNDTC ngày 12/01/2007 Hướng dẫn phối hợp trong việc giải quyết các vụ TNLĐ chết người, TNLĐ khác có dấu hiệu tội phạm	TNLĐ xảy ra trong các doanh nghiệp thuộc lực lượng vũ trang) + Cơ quan Cảnh sát điều tra + Viện kiểm sát nhân dân
20	Thông tư liên tịch số 34/2007/TTLT/BTC - BLĐTBOXH-UBTDTT ngày 09/4/2007, Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 234/2006/QĐ-TTg về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao	Hướng dẫn các chế độ: Tiền công, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bồi thường TNLĐ; chế độ tiền thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao quy định tại Quyết định số 234/2006/QĐ-TTg.
21	Thông tư Liên tịch số 41/2007/TTLT-BTC-BCA ngày 24/4/2007 của Bộ Tài chính và Bộ Công an	Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 130/2006/NĐ-CP ngày 08/11/2006 quy định chế độ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc;
22	Thông tư Liên tịch số 70/2007/TTLT-BTC-BLĐTBOXH ngày 26/6/2007	Hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình quốc gia về bảo hộ lao động, an toàn lao động, vệ sinh lao động đến năm 2010
23	Quyết định số 28/2006/QĐ-BCN ngày 16/8/2006 Ban hành quy chế quản lý kỹ thuật an toàn về giao nhận, vận chuyển khí dầu mỏ hoá lỏng bằng bồn chứa.	Quy định về kỹ thuật an toàn trong các hoạt động giao nhận, vận chuyển khí dầu mỏ hoá lỏng (LPG) bằng bồn chứa theo đường bộ hoặc đường sắt. không áp dụng đối với trạm nạp cho ô tô sử dụng LPG làm nhiên liệu - Autogas. - Đào tạo về chuyên môn, huấn luyện về an toàn, kiểm tra và cấp thẻ an toàn lao động (theo quy định của Thông tư số 04/2004/TT-BCA; Thông tư số 37/2005/TT-BLĐTBOXH và quy định tại mục 1.5 của TCVN 6485:1999 - Tài liệu khi vận chuyển LPG: Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm do Bộ Công an cấp, Thẻ an toàn lao động của người điều khiển phương tiện, người vận chuyển, Giấy chứng nhận đăng ký, giấy chứng nhận kiểm định của hệ thống thiết bị chịu áp lực trên phương tiện vận chuyển, Giấy chứng nhận kiểm định thiết bị

		<p>đo kiểm và an toàn, Tài liệu hướng dẫn các biện pháp cần thực hiện khi xảy ra sự cố, tai nạn, Tên, địa chỉ, số điện thoại của bên thuê vận chuyển để liên hệ khi cần thiết, Các giấy tờ cần thiết của người điều khiển phương tiện vận tải theo quy định, Giấy chứng nhận đăng ký, giấy chứng nhận đăng kiểm về tiêu chuẩn chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường còn hiệu lực cấp cho xe bồn, toa xe bồn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy định về bổ sung chất tạo mùi <p>Trách nhiệm của các bên: bên thuê vận chuyển, bên vận chuyển:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu đối với xe bồn, toa xe bồn - Yêu cầu kỹ thuật giao nhận LPG của xe bồn, toa xe bồn - Yêu cầu kỹ thuật an toàn vận chuyển bồn chứa LPG bằng đường bộ và đường sắt
24	<p>Thông tư số 06/2006/TT-BCN ngày 26/9/2006 giải thích một số nội dung của Nghị định số 106/2005/NĐ-CP ngày 17/8/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Điện lực về bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tiết diện dây, hệ số an toàn, ống bảo vệ, tiêu chuẩn kỹ thuật và mục đích sử dụng dây; - Chiều cao tính không theo cấp kỹ thuật đường thủy nội địa; Chặt tia cây đảm bảo khoảng cách an toàn, Cây trong trường hợp đặc biệt; - Móng, vật liệu không cháy; - Thoả thuận khi xây dựng mới hoặc cải tạo nhà ở, công trình trong hành lang an toàn; - Xử lý hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ an toàn lưới điện cao áp; - Trách nhiệm của chủ đầu tư công trình lưới điện cao áp và của đơn vị quản lý vận hành lưới điện cao áp.
25	<p>Quyết định số 164/2006/QĐ-BQP ngày 27/9/2006 của Bộ trưởng BQP</p>	<p>“về công tác huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động trong quân đội”</p>
26	<p>Quyết định số 36/2006/QĐ-BCN ngày 16/10/2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc ban hành quy chế quản lý kỹ thuật an toàn về nạp khí dầu mỏ hoá lỏng vào chai.</p>	<p>Quy định về kỹ thuật an toàn trong các hoạt động nạp khí dầu mỏ hoá lỏng (LPG) vào các chai vận chuyển được có dung tích chứa nước nhỏ hơn 150 lít; Không áp dụng đối với trạm nạp cho ô tô sử dụng LPG làm nhiên liệu – Autogas. Bao gồm: Qui định kỹ thuật an toàn đối với trạm nạp; qui định về giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn; Nạp khí dầu mỏ hoá lỏng vào chai.</p>
27	<p>Thông tư số 12/2006/TT-BCN</p>	<p>Hướng dẫn các hoạt động về quản lý an toàn hóa chất bao gồm: khai báo hoá chất nguy hiểm;</p>

	ngày 22/12/2006 của Bộ Công nghiệp hướng dẫn thi hành Nghị định số 68/2005/NĐ-CP ngày 20/5/2005 của Chính phủ về an toàn hóa chất.	đánh giá hoá chất mới; phiếu an toàn hoá chất; phân loại và ghi nhãn hóa chất; kế hoạch ngăn ngừa, khắc phục sự cố hoá chất; khoảng cách an toàn và báo cáo an toàn hoá chất.
28	Thông tư số 03/2007/TT-BLĐTBXH Hướng dẫn thực hiện một số Điều của Nghị định số 152/2006/NĐ-CP ngày 22/12/2006 của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm bắt buộc	Hướng dẫn cách tính trợ cấp một lần, hàng tháng đối với người bị TNLĐ, BNN
29	Quyết định số 67/2007/QĐ-BQP ngày 09/4/2007 quyết định bổ sung Quyết định số 1255/QĐ-QP ngày 25/9/2007 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng	Ban hành quy định, chế độ, tiêu chuẩn trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân trong lao động thuộc lĩnh vực quân sự
30	Quyết định số 88/2007/QĐ-BTC ngày 23/10/2007	Ban hành mã số danh mục Chương trình quốc gia về Bảo hộ lao động, an toàn lao động, vệ sinh lao động.
31	Thông tư liên tịch số 08/2008/TTLT/BQP-BTNMT ngày 28/01/2008 của Bộ Quốc phòng và Bộ Tài nguyên và Môi trường	Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 148/2006/NĐ-CP ngày 04/12/2006 của Chính phủ.
32	Thông tư số 04/2008/TT-BLĐTBXH ngày 27/2/2008 Hướng dẫn thủ tục đăng ký và kiểm định các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động	<ul style="list-style-type: none"> - Đối tượng áp dụng: Bộ Danh mục quy định đăng ký, kiểm định đối với các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về ATLĐ và chuyển đổi BHYT hướng dẫn quản lý theo chức năng; - Thủ tục đăng ký đối tượng của cơ sở và của cơ quan đăng ký: Cơ sở gửi hồ sơ đăng ký theo đường bưu điện, fax đến cơ quan đăng ký (Thanh tra Lao động Sở LĐTBXH); Bộ quy định cấp giấy chứng nhận đăng ký. - Đối với các loại máy, thiết bị sử dụng lưu động

		<p>như: cần trục ô tô, cần trục bánh lốp, cần trục bánh xích, cần trục tháp, máy vận thăng, sàn biểu diễn di động thì cơ sở thực hiện đăng ký tại Thanh tra lao động thuộc Sở LĐTBXH nơi có trụ sở chính của cơ sở; đồng thời thông báo bằng văn bản với Thanh tra lao động thuộc Sở LĐTBXH nơi cơ sở sử dụng các loại máy, thiết bị tại một địa điểm cụ thể, trong một thời gian nhất định.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việc đăng ký sử dụng vật liệu nổ công nghiệp do Bộ Công thương hướng dẫn theo quy định của Chính phủ. Cơ sở phải gửi bản sao giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp đến Thanh tra lao động thuộc Sở Lao động-Thương binh và Xã hội (trực tiếp hoặc bằng đường bưu điện/fax). - Quy định báo cáo định kỳ 6 tháng, 1 năm (trước đây 3 tháng 1 lần). - Danh mục 24 loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động
33	Thông tư số 25/2008/TT-BQP ngày 06/3/2008 của Bộ Quốc phòng	Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 148/2006/NĐ-CP ngày 04/12/2006 của Chính phủ về Quy hoạch, xây dựng, quản lý và bảo vệ vành đai an toàn các kho đạn dược, vật liệu nổ, nhà máy sản xuất đạn dược, vật liệu nổ do Bộ Quốc phòng quản lý.
34	Chỉ thị số 02/2008/CT-BXD ngày 27/3/2008 của Bộ Xây dựng v/v Chấn chỉnh và tăng cường các biện pháp đảm bảo ATLĐ, VSLĐ trong các đơn vị thuộc ngành xây dựng.	<p>Yêu cầu vào cuối mỗi tháng các đơn vị trực thuộc Bộ phải tập hợp báo cáo Lãnh đạo Bộ tình hình thực hiện công tác an toàn - vệ sinh lao động - phòng chống cháy nổ (ATVSLĐ-PCCN) của đơn vị; Riêng các vụ TNLĐ nghiêm trọng, TNLĐ chết người, đơn vị phải báo cáo kịp thời về Bộ Xây dựng và Công đoàn Xây dựng Việt Nam không cần chờ kết luận của cơ quan điều tra.</p> <p>Để củng cố tổ chức làm công tác bảo hộ lao động trong ngành xây dựng, Chỉ thị cũng yêu cầu Vụ Tổ chức cán bộ nghiên cứu, đề xuất với Lãnh đạo Bộ việc thành lập tổ chức và cán bộ chuyên trách làm công tác bảo hộ lao động thuộc Cơ quan Bộ để thực hiện Nghị định số 17/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng, trong đó có chức năng về an toàn kỹ thuật xây dựng.</p>

35	<p>Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện QCVN 01: 2008/BCT - ban hành kèm theo Quyết định số 12/2008/QĐ-BCT ngày 17/6/2008 quy định các biện pháp đảm bảo an toàn khi thực hiện các công việc xây dựng, vận hành, thí nghiệm, sửa chữa đường dây dẫn điện, thiết bị điện và các công việc khác theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Quy chuẩn gồm 13 chương với 123 điều qui định các nguyên tắc bảo đảm an toàn khi làm việc tại đường dây, thiết bị điện với các nội dung chính như: Các qui định về rào chắn, cảnh báo ở nơi làm việc và công cộng, sắp xếp nơi làm việc; Tổ chức công tác, trách nhiệm của người lãnh đạo, giám sát, chỉ huy và nhân viên đơn vị công tác trong trường hợp có 1 hoặc nhiều đơn vị cùng thực hiện công việc tại một nơi; Đối với trang thiết bị an toàn và bảo hộ lao động, Quy chuẩn đưa ra cả các yêu cầu cụ thể từ kiểm tra hàng ngày, định kỳ, bảo dưỡng đến vận chuyển các dụng cụ, thiết bị; Về các biện pháp an toàn chung, quy chuẩn đưa ra các qui định từ lập kế hoạch đến huỷ bỏ công việc, các phiếu công tác, lệnh công tác, khẳng định an toàn trước khi tiến hành công việc và các biện pháp an toàn trong khi tiến hành công việc cũng như khi tạm dừng, kết thúc công việc; An toàn khi làm việc với các thiết bị điện, làm việc khi đã cắt điện, an toàn khi làm việc với các đường dây đang mang điện, làm việc ở những vị trí thiếu ôxy, sử dụng xe chuyên dùng...</p>
36	<p>Quyết định 99/2008/QĐ-BQP ngày 01/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng</p>	<p>về việc đăng ký, kiểm định kỹ thuật an toàn các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động trong quân đội.</p>
37	<p>Chỉ thị số 100/2008/CT-BQP ngày 09/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng</p>	<p>Tăng cường thực hiện công tác bảo hộ lao động, an toàn lao động trong quân đội</p>
38	<p>Thông tư Liên tịch số 10 /2008/TTLT-BLĐTBXH-BNV ngày 10/7/2008 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và nhiệm vụ</p>	<p>Phòng Việc làm - An toàn lao động được thành lập phù hợp với đặc điểm ở địa phương.</p>

	quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp xã về lao động, người có công và xã hội	
39	Thông tư số 13/2008/TT-BLĐTBXH của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, ngày 28.7.2008 ban hành hướng dẫn về công tác thi đua, khen thưởng ngành Lao động – Thương binh và Xã hội, trong đó có lĩnh vực an toàn – vệ sinh lao động.	<p>Bổ sung một số tiêu chuẩn mới trong việc xét khen thưởng, cụ thể:</p> <p>Đối với doanh nghiệp: Bổ sung việc thực hiện chế độ bồi thường, trợ cấp TNLĐ, BNN, chế độ báo cáo về công tác ATLĐ, VSLĐ; Sửa đổi một số tiêu chuẩn khác cho phù hợp với các qui định mới được sửa đổi như đăng ký, kiểm định các chất, vật tư, máy có yêu cầu nghiêm ngặt về ATVSLĐ.</p> <p>Đối với cá nhân là cán bộ chuyên trách hoặc bán chuyên trách về ATVSLĐ: Bổ sung tiêu chuẩn tham gia đầy đủ các khoá huấn luyện ATVSLĐ theo quy định của pháp luật.</p> <p>Đối với NLD: Bên cạnh việc thực hiện nghiêm chỉnh nội quy, quy trình, quy phạm (nay gọi là quy chuẩn) an toàn lao động, vệ sinh lao động không để xảy ra TNLĐ, còn phải không để xảy ra sự cố máy, thiết bị, cháy nổ.</p> <p>Để đạt bằng khen của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH về ATVSLĐ, các đối tượng được khen phải được Cục trưởng Cục An toàn lao động hoặc Giám đốc Sở lao động – Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tặng giấy khen về ATVSLĐ ít nhất 2 năm liên tục hoặc có thành tích đặc biệt xuất sắc về công tác ATVSLĐ.</p> <p>Ngoài ra, Thông tư cũng hướng dẫn chi tiết việc thành lập hội đồng thi đua, khen thưởng và nguyên tắc làm việc, nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể của Hội đồng Thi đua – Khen thưởng. Theo đó, Cục trưởng Cục An toàn lao động làm chủ tịch hội đồng và quyết định nguyên tắc làm việc, nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của Hội đồng Thi đua – Khen thưởng của Cục. Khi biểu quyết lấy ý kiến theo đa số, trường hợp ý kiến thành viên hội đồng ngang nhau thì lấy ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quyết định.</p>
40	Chỉ thị số 09/CT-BCT ngày 8/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc	<p>Chỉ thị yêu cầu:</p> <p>- Các doanh nghiệp thuộc ngành thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về ATVSLĐ-PCCN; Rà soát, sửa đổi, bổ sung kịp</p>

	tăng cường thực hiện công tác vệ sinh lao động - phòng chống cháy nổ trong ngành công thương.	thời các quy định, các biện pháp về an toàn để phù hợp với công nghệ, thiết bị, máy móc của doanh nghiệp; Bố trí đủ cán bộ có năng lực, trình độ làm công tác ATVSLĐ; Tổ chức tốt việc huấn luyện ATVSLĐ; Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy trình, quy định ATVSLĐ, PCCN, BVMT - Các Sở Công Thương: Tăng cường công tác quản lý an toàn đối với vật liệu nổ công nghiệp, xăng, dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng. Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật lao động ATVSLĐ-PCCN của các cơ sở sản xuất ngành công thương
41	Quyết định số 65/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 29/12/2008 về việc sử dụng tạm thời tiêu chuẩn quốc tế làm căn cứ kiểm tra chất lượng các chai chứa khí bằng vật liệu composite	Sử dụng Tiêu chuẩn quốc tế ISO 11119-2002: Gas cylinders of Composite construction – Specification and test methods (Chai chứa khí bằng Vật liệu composite - Đặc tính kỹ thuật và phương pháp kiểm tra).
42	Quyết định số 66/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 29/12/2008 ban hành Quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn thiết bị nâng, thang máy, thang cuốn	Quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn thiết bị nâng (QTKĐ 001: 2008/BLĐTBXH) Quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn thang cuốn (QTKĐ 002:2008/BLĐTBXH) Quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn thang máy điện và thang máy thủy lực (QTKĐ 003: 2008/BLĐTBXH)
43	Quyết định số 67/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 29/12/2008 ban hành Quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn nồi hơi, bình chịu áp lực, hệ thống lạnh, hệ thống điều chế nạp khí, chai chứa khí và đường ống dẫn hơi nước, nước nóng	- Quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn đường ống dẫn hơi nước, nước nóng (QTKĐ 004 - 2008) - Quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn hệ thống lạnh (QTKĐ 05 -2008) - Quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn nồi hơi (QTKĐ 06 - 2008) - Quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn hệ thống điều chế và nạp khí (QTKĐ 07 - 2008) - Quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn chai chứa khí (QTKĐ 08- 2008) - Quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn bình chịu áp lực (QTKĐ 09- 2008)
44	Quyết định	Bn hành Danh mục trang bị phương tiện bảo vệ cá

	68/2008/QĐ- BLĐTBXH 29/12/2008	ngày	nhân cho NLD làm nghề, công việc có yếu tố nguy hiểm, độc hại; Có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/2/2009
45	TCVN 6305-7:2006 (ISO 6182-7:2004)		Phòng cháy chữa cháy - Hệ thống Sprinkler - Phần 7: Yêu cầu và phương pháp thử đối với sprinkler phản ứng nhanh ngăn chặn sớm (ESFP)
46	TCVN 6305-11:2006 (ISO 6182-11:2003)		Phòng cháy chữa cháy - Hệ thống sprinkler tự động - Phần 11: Yêu cầu và phương pháp thử đối với giá treo ống;
47	TCVN 7568 -1:2006 (ISO 7240-1:2005)		Hệ thống báo cháy - Phần 1: Quy định chung và định nghĩa;
48	TCVN 6305-1:2007 (ISO 6182-1:2005)		Phòng cháy chữa cháy - Hệ thống sprinkler tự động - Phần 1: Yêu cầu và phương pháp thử đối với sprinkler;
49	TCVN 6305-2:2007 (ISO 6182-2:2005)		Phòng cháy chữa cháy - Hệ thống sprinkler tự động - Phần 2: Yêu cầu và phương pháp thử đối với van báo động kiểu ướt bình làm trễ và chuông nước;
50	TCVN 7616: 2007 (ISO 15383:2001)		Găng tay bảo vệ cho nhân viên chữa cháy - Phương pháp thử trong phòng thí nghiệm và yêu cầu tính năng;
51	TCVN 7616:2007 (ISO 15584:2003)		Quần áo bảo vệ cho nhân viên chữa cháy - Phương pháp thử trong phòng chữa cháy ngoài trời;
52	TCVN 7618: 2007 (ISO 15538:2001)		Quần áo bảo vệ cho nhân viên chữa cháy - Phương pháp thử trong phòng thí nghiệm và yêu cầu tính năng cho quần áo bảo vệ có bề mặt ngoài phản xạ.

1.2. Danh sách các văn bản đã hết hiệu lực

STT	Tên văn bản
1	Thông tư số 20/1997/TT-BLĐTBXH ngày 17/12/1997 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn việc khen thưởng hàng năm về công tác bảo hộ lao động.
2	Thông tư số 07/2001/TT-BCN ngày 11/9/2001 Hướng dẫn thực hiện một số nội dung kỹ thuật quy định tại Nghị định số 54/1999/NĐ-CP ngày 8/7/1999 của Chính phủ về Bảo vệ an toàn lưới điện cao áp.
3	Quyết định số 41/2001/QĐ-BCN ngày 30/8/2001 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc ban hành Quy định về an toàn điện nông thôn.
4	Tiêu chuẩn ngành II TCN-161-84 đến TCN-167 84 Quy phạm Kỹ thuật

	an toàn khai thác thiết trí điện các nhà máy điện và lưới điện ban hành kèm theo Quyết định 25 ĐL/KT 22/01/1985 của Bộ trưởng Bộ Điện lực.
5	Thông tư số 23/2003/TT-BLĐTBXH ngày 3/11/2003 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội qui định, hướng dẫn thủ tục đăng ký và kiểm định các loại máy, thiết bị, vật tư, các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, vệ sinh lao động.
6	Thông tư số 08/TT-LB ngày 7/4/1982 của Liên Bộ Lao động, Nội vụ (nay là Công an) và Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn về quan hệ phối hợp giữa các cơ quan Lao động - Nội vụ (nay là Công an) - Viện kiểm sát nhân dân trong việc điều tra, xử lý các vụ TNLĐ nghiêm trọng.
7	Quyết định số 199/2005/QĐ-BLĐTBXH ngày 7/3/2005 Ban hành Quy chế tạm thời sử dụng phiếu tự kiểm tra thực hiện pháp luật lao động.
8	Quyết định số 04/2006/QĐ-BLĐTBXH ngày 26/6/2006 ban hành Quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn thiết bị nâng, thang máy
9	Quyết định 2013/2005/QĐ-BLĐTBXH ngày 29/12/2005 ban hành Quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn các máy, thiết bị, vật tư, các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.
10	Quyết định 955/1998/QĐ-BLĐTBXH ngày 22/9/1998 ban hành Danh mục trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho NLĐ làm nghề, công việc có yếu tố nguy hiểm, độc hại.
11	Quyết định 999/1999/QĐ-BLĐTBXH ngày 16/8/1999 ban hành danh mục trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người làm nghề công việc đặc thù của lực lượng Công an Nhân dân có yếu tố độc hại, nguy hiểm"
12	Quyết định 1320/1999/QĐ-BLĐTBXH ngày 6/10/1999 bổ sung, sửa đổi Danh mục trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho NLĐ làm nghề, công việc có yếu tố nguy hiểm, độc hại.
13	Quyết định 722/1998/QĐ-BLĐTBXH ngày 2/8//2000 bổ sung, sửa đổi Danh mục trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho NLĐ làm nghề, công việc có yếu tố nguy hiểm, độc hại.
14	Quyết định 205/2002/QĐ-BLĐTBXH ngày 21/2/2002 bổ sung, sửa đổi Danh mục trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho NLĐ làm nghề, công việc có yếu tố nguy hiểm, độc hại.

2 - Hoạt động đào tạo, huấn luyện ATVSLĐ cho công chức, viên chức, cán bộ ATVSLĐ, NSDLĐ, NLĐ, nông dân từ năm 2006- đến 9/2008

2.1. Đào tạo, huấn luyện cho công chức

Bảng 1: Kết quả đào tạo, huấn luyện cho công chức

Tên lớp, năm đào tạo	Đối tượng	Số lượt học viên	Giảng viên	Đơn vị tổ chức
Năm 2006				
2 khoá tập huấn giảng	Thanh tra lao	68	Chuyên gia	BLĐTBXH-

viên nguồn ATVSLĐ	động sở LĐTBXH, cán bộ ATVSLĐ Bộ, ngành		về ATVSLĐ	Dự án VIE/05/01/L UX
2 lớp tập huấn hướng dẫn nghiệp vụ công tác BHLĐ (tổ chức phong trào quần chúng làm BHLĐ; xây dựng và thực hiện kế hoạch BHLĐ; công tác kiểm tra BHLĐ; công tác huấn luyện BHLĐ cho cán bộ công đoàn; công tác báo cáo định kỳ về BHLĐ) và các văn bản mới về BHLĐ	Cán bộ công đoàn làm công tác BHLĐ của LĐLĐ các tỉnh, thành phố, công đoàn ngành TW, công đoàn Tổng công ty trực thuộc TLĐ	157	Cán bộ của Ban BHLĐ TLĐ đều là các kỹ sư kỹ thuật, kỹ sư BHLĐ đã có nhiều năm kinh nghiệm trong nghề.	Ban BHLĐ TLĐ
4 lớp tập huấn Chương trình POSITIVE (tham gia cải thiện ATVSLĐ có tính định hướng theo sáng kiến của công đoàn)	Cán bộ công đoàn, cán bộ an toàn, ATVSV trên địa bàn Tp.HCM và Hà Nội	75	Chuyên gia ATVSLĐ của Nhật Bản và các cán bộ Việt Nam được đào tạo trong khuôn khổ dự án hợp tác giữa TLĐLĐVN và JILAF về đào tạo ATVSLĐ	Quỹ Lao động quốc tế Nhật Bản JILAF, Ban BHLĐ TLĐ
3 khóa tập huấn về Hiệp định hàng rào kỹ thuật trong thương mại và Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, các quy định kỹ thuật về an toàn lao động	Cán bộ quản lý về an toàn lao động, thanh tra lao động	150	Các chuyên gia của Tổng Cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng, Cục An toàn lao động	Cục An toàn lao động - TBT
Năm 2007				
Tập huấn công tác ATVSLĐ và PCCN	Cán bộ Ban chỉ đạo công	200	Các chuyên gia	Bộ Giáo dục và Đào tạo

(những vấn đề cơ bản về công tác BHLĐ; Những quy định chủ yếu của pháp luật về ATVSLĐ; vai trò của ccng đoàn trong chỉ đạo và tổ chức hoạt động BHLĐ trong các trường đại học và cao đẳng; Nghiệp vụ về phòng chống cháy nổ)	tác Bảo hộ lao động các trường đại học, cao đẳng và các viện nghiên cứu trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo		ATVSLĐ	
2 lớp tập huấn nghiệp vụ công tác BHLĐ (về các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động BHLĐ ở cơ sở; phương pháp nhận biết các yếu tố nguy hiểm, có hại trong lao động sản xuất và biện pháp phòng tránh; hướng dẫn việc tổ chức thực hiện công tác huấn luyện BHLĐ cho cán bộ công đoàn; phương pháp điều tra TNLĐ) và hướng dẫn thực hiện các văn bản mới về BHLĐ	Cán bộ công đoàn làm công tác BHLĐ của LĐLĐ các tỉnh, thành phố, Công đoàn ngành TW, Công đoàn Tổng công ty trực thuộc TLD	92	Cán bộ làm công tác BHLĐ của công đoàn các tỉnh, thành phố, ngành, Tổng công ty thuộc TLĐLĐVN	Ban BHLĐ TLĐLĐVN
4 lớp tập huấn Chương trình POSITIVE;	Cán bộ công đoàn, cán bộ an toàn, ATVSV trên địa bàn Tp.HCM và Hà Nội	106	Chuyên gia ATVSLĐ của Nhật Bản, các cán bộ đào tạo nông cốt về ATVSLĐ của Việt Nam.	Quỹ Lao động quốc tế Nhật Bản JILAF, Ban BHLĐ - TLĐLĐVN
4 lớp đào tạo cán bộ nông cốt về ATVSLĐ.		57	Chuyên gia ATVSLĐ của Nhật Bản, các cán bộ đào tạo nông cốt về ATVSLĐ của Việt	Quỹ Lao động quốc tế Nhật Bản JILAF, Ban BHLĐ TLD

			Nam.	
4 lớp tập huấn an toàn - vệ sinh lao động, 1 lớp tập huấn an toàn trong khai thác mỏ, 1 lớp tập huấn làm phim huấn luyện	Thanh tra viên lao động, cán bộ chuyên trách ATVSLĐ các Bộ, ngành, Công ty, cán bộ kiểm định, giảng viên các trường đại học, dạy nghề	184	Chuyên gia về ATVSLĐ	BLĐTBXH- Dự án VIE/05/01/LUX
3 khóa tập huấn về Hiệp định hàng rào kỹ thuật trong thương mại và Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, các quy định kỹ thuật về an toàn lao động	Cán bộ quản lý về an toàn lao động, thanh tra lao động	150	Chuyên gia của Tổng Cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng, chuyên gia về ATVSLĐ	Cục An toàn lao động - TBT
Năm 2008				
Tập huấn về Sức khỏe nghề nghiệp : Luật pháp; Hồ sơ lao động xí nghiệp, tiêu chuẩn VSLĐ; Phương pháp đánh giá MTLĐ, một số kỹ thuật về vật lý, bụi, hoá (thiếu kế mẫu, nhận định kết quả, kỹ thuật phân tích một số yếu tố); Các tiêu chuẩn chẩn đoán, kỹ thuật xét nghiệm để chẩn đoán BNN; Kỹ thuật đánh giá, phân loại lao động; Écgônômi và các giải pháp nâng cao sức khỏe nơi làm việc.	Cán bộ trung tâm y tế dự phòng	16	<i>Các chuyên gia về VSLĐ, YHLĐ</i>	NIOEH
Lớp BNN: Pháp luật; Triệu chứng, tiêu chuẩn chẩn đoán, giám định, các kỹ thuật xét nghiệm	Cán bộ trung tâm y tế dự phòng	43	<i>Các chuyên gia về VSLĐ, Y học lao động</i>	NIOEH

đề chẩn đoán; Tiêu chuẩn đối với phòng khám BNN; Giám sát, chăm sóc sức khoẻ NLĐ tại cơ sở sản xuất.				
Kỹ thuật giám sát môi trường lao động	Cán bộ trung tâm y tế dự phòng, trung tâm huấn luyện ATVSLĐ (Bộ LĐTBXH)	9	<i>Các chuyên gia về VSLĐ, Y học lao động</i>	NIOEH
Tổ chức 13 lớp ATVSLĐ	Cán bộ quản lý, cán bộ công đoàn	1847	<i>Các chuyên gia ATVSLĐ</i>	NILP
Tổ chức 3 lớp về BNN	Cán BHYT phòng khám, trung tâm giám định BNN miền Trung và miền nam	120	<i>Các chuyên gia về Y học lao động, BNN</i>	BYT
1 lớp huấn luyện nâng cao năng lực cho cán bộ thuộc Hội đồng giám định y khoa	Cán bộ thuộc hội đồng giám định y khoa 40 địa phương	40	<i>Các chuyên gia về Y học lao động, BNN</i>	BYT
2 lớp tập huấn BHLĐ: Chương trình hành động của các cấp công đoàn trong công tác BHLĐ thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TU của BCHTWU Đảng khoá X về tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước; Nâng cao chất lượng công tác điều tra, xử lý TNLĐ và giải quyết chế độ TNLĐ; hướng dẫn triển khai thực hiện Thông tri số 02/TTr-TLĐ ngày	Cán bộ làm công tác BHLĐ của LĐLĐ các tỉnh, thành phố, Công đoàn ngành TW, Công đoàn Tổng công ty trực thuộc TLĐ	97	Cán bộ của Ban BHLĐ TLĐ	Ban BHLĐ - TLĐLĐVN

22/10/2007 của ĐCTTLĐ về hướng dẫn kiểm tra chấm điểm thi đua và khen thưởng chuyên đề về BHLĐ và hướng dẫn triển khai một số các văn bản mới về BHLĐ.				
14 khoá tập huấn, cụ thể: 2 lớp ATVSLĐ chung, 1 lớp giáo dục hành động, 2 lớp ATVSLĐ trong nông nghiệp, 2 lớp ATVSLĐ cho các trường nghề, 4 lớp tập huấn sơ cấp cứu, 2 lớp tập huấn kỹ năng tư vấn doanh nghiệp về ATVSLĐ, 1 lớp huấn luyện giảng viên nguồn WISE	Cán bộ công đoàn, cán bộ BYT dự phòng, cán bộ ATVSLĐ các bộ, ngành, giảng viên các trường nghề	385	Các chuyên gia về ATVSLĐ	BLĐTBXH - Dự án VIE/05/01/LUX
6 khóa tập huấn về Hiệp định hàng rào kỹ thuật trong thương mại và Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, các quy định kỹ thuật về an toàn lao động	Cán bộ quản lý về an toàn lao động, thanh tra lao động	300	Chuyên gia của Tổng Cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng, chuyên gia về ATVSLĐ	Cục ATLĐ -TBT
14 lớp tập huấn về ATVSLĐ, văn bản pháp luật mới thuộc 4 tỉnh dự án (Hà Nội, Nghệ An, Khánh Hoà, Lâm Đồng)	Thanh tra, cán bộ làm công tác ATVSLĐ	400	Các chuyên gia ATVSLĐ	Bộ LĐTBXH- Dự án BSPS

2.2. Đào tạo, huấn luyện cho NSDLĐ, người làm công tác ATVSLĐ tại doanh nghiệp

Bảng 2: Kết quả đào tạo cho NSDLĐ, người làm công tác ATVSLĐ tại DN

Nội dung đào tạo	Đối tượng	Số lượt học viên	Giảng viên	Đơn vị tổ chức
Kỹ thuật ATVSLĐ-PCCN trong lĩnh vực	Cán bộ quản lý	2596	Cán bộ Cục Kỹ	Bộ Công nghiệp

điện, hoá chất; Máy, thiết bị và vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về ATLĐ.			thuật an toàn và Môi trường công nghiệp, Viện Khoa học kỹ thuật BHLĐ	
Kỹ thuật an toàn (KTAT) vật liệu nổ công nghiệp, KTAT chỉ huy nổ mìn.	Đội trưởng làm việc có liên quan đến vật liệu nổ công nghiệp	2911	Cán bộ Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp	Bộ Công nghiệp
6 lớp huấn luyện về BHLĐ, ATLĐ, VSLĐ	<i>Giám đốc, đội trưởng, quản đốc phân xưởng, cán bộ chuyên trách về ATLĐ của Bộ Xây dựng</i>	302	<i>Giáo viên đang giảng dạy tại trường đại học và các chuyên gia.</i>	Bộ Xây dựng
8 lớp huấn luyện về công tác BHLĐ	các cán bộ công đoàn làm BHLĐ và các ATVSV ở các doanh nghiệp ngoài quốc doanh	372	<i>Các cán bộ của Ban BHLĐ TLĐ</i>	Ban BHLĐ, TLĐLĐVN
4 lớp tập huấn nghiệp vụ	An toàn - vệ sinh viên	230	<i>Cán bộ, giáo viên các trường</i>	NILP

			<i>Đại học Công đoàn, Xây dựng, Bách khoa Hà Nội & Tp Hồ Chí Minh, Đại học Tôn Đức Thắng, Đại học Quân y ...</i>	
14 lớp tập huấn công tác ATVSLĐ	Cán bộ quản lý hợp tác xã			Liên minh HTX Việt Nam
29 lớp huấn luyện ATVSLĐ khi làm các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về ATVSLĐ	NSDLĐ thuộc các đơn vị Bộ quốc phòng	941	<i>Chuyên gia của Bộ quốc phòng, BLĐTBXH</i>	Bộ Quốc phòng
Huấn luyện ATVSLĐ	cán bộ làm công tác an toàn cấp đầu môi	215	<i>Chuyên gia của Bộ quốc phòng, BLĐTBXH</i>	Bộ Quốc phòng

2.3. Đào tạo, huấn luyện cho NLĐ, nông dân

Bảng 3: Kết quả đào tạo cho NLĐ, nông dân

Nội dung đào tạo	Đối tượng	Số lượt học viên	Giảng viên	Đơn vị tổ chức
Năm 2006				
4.628 lớp ATVSLĐ chung	NLĐ trong các doanh nghiệp	701.191	<i>Chuyên gia ATVSLĐ, PCCN</i>	75/84 Liên đoàn lao động tỉnh, thành phố trực thuộc TW và Công đoàn ngành TW
3.123 lớp phòng cháy chữa cháy	NLĐ, nhân dân	115.153	Lực lượng cảnh sát PCCC các	Lực lượng cảnh sát PCCC các

			tỉnh, thành phố	tỉnh, thành phố
547 lớp tập huấn về các chủ đề vệ sinh lao động và trong phòng chống BNN	NLĐ trong các cơ sở có nguy cơ cao	51300	<i>Chuyên gia về VSLĐ, Y học lao động</i>	Trung tâm YTDP, trung tâm sức khỏe và môi trường lao động các địa phương
Năm 2007				
2.499 lớp tập huấn có nội dung tập trung vào công tác ATVSLĐ, phổ biến các văn bản pháp quy, sơ cấp cứu, phòng chống BNN và nâng cao sức khỏe nơi làm việc.	7.667 cơ sở sản xuất	161.354 của	<i>Chuyên gia ATVSLĐ, PCCN</i>	65 đơn vị y tế địa phương, Bộ, ngành
6.732 lớp về ATVSLĐ chung	NLĐ trong các doanh nghiệp	856.183	<i>Chuyên gia về VSLĐ, Y học lao động</i>	73/84 Liên đoàn lao động tỉnh, thành phố trực thuộc TW và Công đoàn ngành TW
3.073 lớp phòng cháy chữa cháy	NLĐ, nhân dân	113.027	Lực lượng cảnh sát PCCC các tỉnh, thành phố	Lực lượng cảnh sát PCCC các tỉnh, thành phố
Năm 2008				
Hướng dẫn, huấn luyện 52 khoá về thực hiện các quy định, quy trình, quy phạm và kiểm định, bảo dưỡng các máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt, đặc thù về ATVSLĐ, PCCN. Kiểm soát TNLĐ, BNN trong lĩnh vực xây dựng, khai thác và sản xuất VLXD, nâng cao sự tuân thủ pháp luật	NLĐ thuộc các doanh nghiệp của Bộ Xây dựng	2536	<i>Giáo viên đang giảng dạy tại trường đại học và các chuyên gia.</i>	Bộ Xây dựng

về BHLĐ, AT VSLĐ.				
51 lớp tập huấn ATVSLĐ	NLĐ	3722	<i>Cán bộ, giáo viên trường Đại học Công đoàn, Xây dựng, Bách khoa Hà Nội & Tp Hồ Chí Minh, Đại học Tôn Đức Thắng, Đại học Quân y ...</i>	NILP
Tập huấn ATVSLĐ trong nông nghiệp	Nông dân	1.000	<i>Các chuyên gia ATVSLĐ</i>	BNN&PTNT
2005 lớp ATVSLĐ chung (6 tháng đầu năm 2008)	NLĐ trong các doanh nghiệp	253.496	<i>Chuyên gia ATVSLĐ, PCCN</i>	49/84 Liên đoàn lao động tỉnh, thành phố trực thuộc TW và Công đoàn ngành TW
2.317 lớp phòng cháy chữa cháy	NLĐ, nhân dân	96.856	Lực lượng cảnh sát PCCC các tỉnh, thành	Lực lượng cảnh sát PCCC các tỉnh, thành
3.047 lớp tập huấn ATVSLĐ chủ yếu tập trung vào phổ biến văn bản pháp quy, sơ cấp cứu, phòng chống BNN và nâng cao sức khoẻ nơi làm việc	NLĐ tại 11.101 cơ sở sản xuất	1.239.970	<i>Chuyên gia về VSLĐ, Y học lao động</i>	61/76 y tế địa phương, Bộ, ngành

2.4. Tài liệu huấn luyện, giảng dạy

Bảng 4: Danh mục tài liệu huấn luyện, giảng dạy đã xuất bản

STT	Tài liệu đã xuất bản	Đơn vị thực hiện
-----	----------------------	------------------

1	Xây dựng trên cao, phá dỡ công trình cũ	Bộ Xây dựng
2	Khoan và xây lắp các công trình ngầm, hầm tuyen	Bộ Xây dựng
3	Cầu chuyên và lắp dựng các cấu kiện siêu trường, siêu trọng	Bộ Xây dựng
4	Bảo dưỡng và sửa chữa các công trình nhà chung cư, nhà làm việc cao tầng	Bộ Xây dựng
5	Phương pháp đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện ATVSLĐ thích ứng với trình độ và đặc thù trong khai thác than hầm lò	Bộ Công thương
6	Phương pháp đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện ATVSLĐ thích ứng với trình độ và đặc thù trong khai thác than mỏ lộ thiên	Bộ Công thương
7	An toàn trong sử dụng máy nông nghiệp	BNN&PTNT
8	Hướng dẫn xây dựng hệ thống quản lý ATVSLĐ tại doanh nghiệp vừa và nhỏ	BLĐTBXH- 2007
9	Sổ tay ATVSLĐ trong Xây dựng	BLĐTBXH- 2007
10	Sổ tay an toàn trong sử dụng thiết bị áp lực	BLĐTBXH- 2007
11	Sổ tay an toàn trong sử dụng máy, thiết bị gia công gỗ và cơ khí	BLĐTBXH- 2007
12	Sổ tay an toàn trong sử dụng điện	BLĐTBXH- 2007
13	Sổ tay an toàn trong sử dụng Hoá chất	BLĐTBXH- 2007
14	Sách "Tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ cán bộ công đoàn làm công tác Bảo hộ lao động"	Ban BHLĐ - TLĐLĐVN -2007
15	Đĩa CD "Những bài huấn luyện và hướng dẫn công tác Bảo hộ lao động cho cán bộ công đoàn và an toàn vệ sinh viên ở cơ sở"	Ban BHLĐ TLĐ - 2007
16	Sách hỏi đáp về chính sách chế độ về BHLĐ	BLĐTBXH- 2007
17	Vệ sinh an toàn nơi làm việc và chăm sóc sức khoẻ cho NLĐ	BYT - 2007
18	Sách hỏi đáp về Chương trình quốc gia BHLĐ, ATLĐ, VSLĐ	BLĐTBXH- 2008
19	Giáo trình giảng dạy về ATVSLĐ cho các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp khối nông nghiệp	Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội - 2008
20	Sổ tay loại trừ các yếu tố nguy hiểm khi làm việc	BLĐTBXH- 2008
21	Sổ tay An toàn - sức khoẻ NLĐ	BLĐTBXH- 2008
22	Sổ tay cải thiện điều kiện lao động	BLĐTBXH- 2008
23	An toàn khai thác đá	BLĐTBXH- 2008
24	Cải thiện điều kiện lao động và năng suất lao động trong ngành dệt may	BLĐTBXH- 2008 (Dự án

		VIE/05/01/LUX)
25	Chương trình, giáo trình giảng dạy về ATVSLĐ cho các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp khối xây dựng, công trình	Trường Đại học Xây dựng – 2008
26	Các nội dung đưa vào xây dựng chương trình môn học về phòng chống chấn thương trong hoạt động thể dục thể thao	Trường Đại học Thể dục thể thao Hà Tây – 2008
27	Chương trình môn học giảng dạy về ATVSLĐ cho các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp khối khoa học giáo dục	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội – 2008
28	Chương trình môn học về ATVSLĐ cho các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp khối kinh tế	Trường Đại học kinh tế quốc dân – 2008
29	Giáo trình thử nghiệm về ATVSLĐ trong nông nghiệp cho khối lâm – ngư	Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội - 2008
30	Tài liệu huấn luyện ATVSLĐ cho cán bộ LĐ cấp quận huyện xã phường	BLĐTBXH– 2008
31	ATVSLĐ trong sử dụng điện	BLĐTBXH- Dự án VIE/05/01/LUX - 2008
32	ATVSLĐ trong thi công xây dựng	BLĐTBXH- Dự án VIE/05/01/LUX – 2008
33	ATVSLĐ trong sản xuất cơ khí	BLĐTBXH- Dự án VIE/05/01/LUX – 2008
34	ATVSLĐ trong khai thác khoáng sản	BLĐTBXH- Dự án VIE/05/01/LUX – 2008
35	Đĩa phim huấn luyện ATVSLĐ theo Thông tư số 37/2005/TT-BLĐTBXH	BLĐTBXH- Dự án VIE/05/01/LUX – 2008
36	Sổ tay Hướng dẫn làm việc an toàn trong xây dựng	Ban BHLĐ TLĐ – 2008
37	An toàn vệ sinh lao động, phòng chống các bệnh lây nhiễm nghề nghiệp cho nhân viên y tế	BYT - 2008
38	Những điều cần biết để tổ chức thực hiện tốt công tác BHLĐ ở cơ sở	Cục ATLĐ, Hội KHKT ATVSLĐ Việt Nam

3 - Hoạt động thông tin, tuyên truyền và tư vấn về ATVSLĐ

3.1 - Tuần lễ quốc gia về ATVSLĐ-PCCN

3.1.1 – Ban chỉ đạo Tuần lễ quốc gia Trung ương (Theo công văn số 539/LĐTBXH ngày 26/2/1999)

Ban chỉ đạo Tuần lễ quốc gia Trung ương bao gồm các thành viên đại diện cho các cơ quan ở cấp Trung ương như: Quản lý nhà nước về ATVSLĐ, đại diện cho người sử dụng, người lao động, các cơ thông tin - truyền thông sau:

- Bộ trưởng BLĐTBXH - Trưởng ban chỉ đạo;
- Thứ trưởng BLĐTBXH – Phó trưởng ban thường trực;
- Lãnh đạo uỷ ban nhân dân cấp tỉnh của địa phương đăng cai tổ chức phát động cấp quốc gia tuần lễ quốc gia ATVSLĐ-PCCN;
- Phó chủ tịch TLĐLĐVN – Phó ban;
- Thứ trưởng Bộ Công An – Phó ban;
- Thứ trưởng BHYT - Phó ban;
- Lãnh đạo PTM&CNVN
- Thứ trưởng Bộ Công Thương - Thành viên;
- Thứ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông - Thành viên;
- Phó Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã Việt Nam - Thành viên;
- Thứ trưởng BNN&PTNT - Thành viên;
- Phó chủ tịch Ban chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam - Thành viên;
- Thứ trưởng Bộ Tài chính - Thành viên;
- Lãnh đạo Đài Truyền hình Việt Nam - Thành viên.

3.1.2 – Trách nhiệm của Ban chỉ đạo Trung ương, các Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp (theo công văn số 4280 /BCĐTLQG –ATLĐ ngày 30/11/2006)

3.1.2.1 - Trách nhiệm của Ban chỉ đạo Trung ương

- Hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp trong công tác chỉ đạo, phối hợp và tổ chức thực hiện Tuần lễ quốc gia hàng năm;
- Lựa chọn chủ đề chung, thời gian cụ thể phát động Tuần lễ quốc gia;
- Lựa chọn địa phương trọng điểm (có tính đặc thù riêng và phù hợp với chủ đề phát động của từng năm) và phối hợp với địa phương trọng điểm để tổ chức Lễ phát động Tuần lễ quốc gia;
- Thống nhất kế hoạch triển khai, công tác phối hợp và phân công trách nhiệm cụ thể cho một số cơ quan thành viên Ban chỉ đạo trong tổ chức các hoạt động của Tuần lễ;
- Tổ chức các hoạt động thông tin, tuyên truyền; tổ chức họp báo công bố tình hình tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, cháy nổ và công tác ATVSLĐ-PCCN;
- Chỉ đạo việc xây dựng và thực hiện chương trình hành động, cam kết thi đua ATVSLĐ – PCCN của các ngành, các doanh nghiệp;

- Tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm để hoàn thiện tổ chức Tuần lễ.

3.1.2.2. Trách nhiệm của các Bộ, ngành, đoàn thể

- Chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị trực thuộc tổ chức các hoạt động hưởng ứng Tuần lễ quốc gia;

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng tại các cơ sở trọng điểm;

- Lập kế hoạch tổ chức và kinh phí thực hiện các hoạt động Tuần lễ quốc gia, đưa vào kế hoạch kinh phí hoạt động thường xuyên hàng năm hoặc kinh phí Chương trình quốc gia về bảo hộ lao động, an toàn lao động, vệ sinh lao động của Bộ, ngành, đoàn thể; trực tiếp tổ chức một số hoạt động hưởng ứng Tuần lễ;

- Tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm và báo cáo cho Thường trực Ban chỉ đạo Tuần lễ quốc gia về hoạt động của đơn vị.

3.1.2.3. Trách nhiệm của các địa phương

- Thành lập, kiện toàn Ban chỉ đạo Tuần lễ quốc gia của địa phương để chỉ đạo và phối hợp với các ban, ngành, doanh nghiệp ở địa phương trong việc tổ chức các hoạt động hưởng ứng Tuần lễ quốc gia. Thành phần Ban chỉ đạo gồm:

+ *Trưởng ban*: Chủ tịch (hoặc Phó chủ tịch) UBND tỉnh, thành phố.

+ *Các phó ban*: Lãnh đạo Sở Lao động- Thương binh và Xã hội, Sở Y tế, Liên đoàn Lao động tỉnh (thành phố) và Công an tỉnh (thành phố).

+ *Các Ủy viên*: Lãnh đạo các Sở, ngành: Văn hóa- Thông tin, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Công nghiệp, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Đài phát thanh và truyền hình địa phương, Liên minh các Hợp tác xã, Phòng Thương mại và Công nghiệp VN, Hội Nông dân Việt Nam.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các ban, ngành chức năng, các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tổ chức tốt các hoạt động hưởng ứng tại địa phương;

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng tại các cơ sở trọng điểm;

- Lập kế hoạch và kinh phí để tổ chức các hoạt động hưởng ứng, đưa vào kế hoạch kinh phí hoạt động thường xuyên hàng năm của địa phương;

- Tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm và báo cáo công tác tổ chức Tuần lễ của địa phương cho thường trực Ban chỉ đạo Tuần lễ quốc gia.

3.1.2.4. Trách nhiệm của Tập đoàn, Tổng công ty, các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh

- Xây dựng kế hoạch hưởng ứng Tuần lễ quốc gia và các biện pháp cải thiện điều kiện lao động tại doanh nghiệp; tổ chức thông tin, tuyên truyền các hoạt động của TLQG về ATVSLĐ-PCCN;

- Tổ chức, phát động người lao động trong doanh nghiệp và chỉ đạo hướng dẫn các đơn vị thành viên hưởng ứng TLQG và chương trình hành động

của doanh nghiệp bằng một kế hoạch cụ thể, sát thực phù hợp với tình hình và điều kiện doanh nghiệp;

- Lập kế hoạch kinh phí tổ chức các hoạt động hưởng ứng Tuần lễ đưa vào trong kế hoạch Bảo hộ lao động hàng năm của doanh nghiệp;

- Tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm và báo cáo công tác tổ chức TLQG cho Thường trực Ban chỉ đạo TLQG (đối với các tập đoàn, tổng công ty 91) và báo cáo cho Ban chỉ đạo tỉnh/thành phố (đối với các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn địa phương).

3.1.2.5. Đánh giá, tổng kết

Các Bộ, ngành, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các doanh nghiệp tổng kết, đánh giá và gửi báo cáo về Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội trước ngày 30/4 hàng năm để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

3.1.2- Phát động TLQG về ATVSLĐ-PCCN

Năm 2006: TLQG lần thứ 8 được tổ chức từ ngày 18-24/3/2006 với chủ đề “ATVSLĐ-PCCN trong các lĩnh vực sản xuất có nhiều nguy cơ về TNLĐ, cháy nổ và BNN”. Lễ Phát động cấp quốc gia được tổ chức ngày 18/3/2006 tại Thành phố Nha Trang (tỉnh Khánh Hoà). Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Gia Khiêm thay mặt Chính phủ tham dự và phát động TLQG cùng hơn 500 đại biểu đại diện cho các cơ quan, ban, ngành của trung ương và địa phương, cán bộ làm công tác ATVSLĐ, cán bộ công đoàn các bộ, ngành, doanh nghiệp và gần 2.500 công nhân, nông dân lao động thành phố Nha Trang.

Năm 2007: TLQG lần thứ 9 được tổ chức từ ngày 18-24/3/2007 với chủ đề “Cải thiện điều kiện làm việc, hạn chế TNLĐ, BNN, cháy nổ”. Lễ Phát động cấp quốc gia được tổ chức ngày 18/3/2007 tại Nhà văn hoá Khu công nghiệp Mỹ Phước II, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Chủ đề chung của Tuần lễ là “Cải thiện điều kiện làm việc, hạn chế TNLĐ, BNN, cháy nổ”.

Năm 2008: TLQG lần thứ 10 được tổ chức từ ngày 16-22/3/2008 với chủ đề “Cải thiện điều kiện làm việc, hạn chế TNLĐ, BNN, cháy nổ”. Lễ mít tinh phát động Tuần lễ Quốc gia ATVSLĐ-PCCC lần thứ 10 được tổ chức vào sáng ngày 16/3, tại nhà thi đấu thể dục thể thao tỉnh Phú Thọ. Tham dự lễ phát động có bà Nguyễn Thị Doan - Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng - Phó Chủ tịch nước, bà Tông Thị Phóng – Bí thư Trung ương Đảng- Phó Chủ tịch Quốc hội, bà Nguyễn Thị Kim Ngân – Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng, Bộ trưởng BLĐTBXH(LĐTBXH), Trưởng Ban chỉ đạo Tuần lễ Quốc gia ATVSLĐ - PCCN Trung ương cùng đại diện lãnh đạo các Bộ, ngành, đoàn thể,

các cơ quan Trung ương, địa phương, các vị khách quốc tế và hơn 2000 đại biểu từ các doanh nghiệp của tỉnh Phú Thọ.

3.1.3 - Kết quả các hoạt động hưởng ứng TLQG về ATVSLĐ-PCCN

Bảng 5: Một số kết quả hoạt động chính hưởng ứng tuần lễ quốc gia ATVSLĐ-PCCN theo báo cáo của các Bộ, ngành, địa phương

STT	Nội dung	Năm		
		2006	2007	2008
1	Tọa đàm, phóng sự trên truyền hình, đài phát thanh	2795	890	4200
2	Đưa tin, bài trên các báo	1242	1426	2000
3	Số cuộc thi ATVSƯV giỏi, tìm hiểu	1443	3404	6700
4	Số người được huấn luyện ATVSLĐ-PCCN	276689	440458	436201
5	Số cuộc hội thao, diễn tập, giao lưu nghệ thuật	760	1156	2300
6	Số người được khám sức khỏe	401.921	435970	107.234
7	Số đơn vị, doanh nghiệp đo kiểm môi trường lao động	1526	860	1398
8	Số cuộc kiểm tra, tự kiểm tra, thanh tra ATVSLĐ, PCCN	11883	15853	14.300
9	Hội thảo, nói chuyện chuyên đề	300	300	46
10	Phát hành các ấn phẩm - Tờ rơi, tập tờ rơi - Tranh áp phích - Sổ tay	30000 14000	1700	876.995 200.000 42.951
11	Tổ chức kí cam kết	*	284	
12	Thăm gia đình nạn nhân TNLĐ	*	167	2.185

(Theo báo cáo số 43/BCĐTLQG-BC ngày 26/6/2006, 44/BCĐTLQG-BC ngày 1/8/2007 và tổng hợp của Cục ATLĐ.)

Ghi chú: (*) chưa thống kê.

Ngoài ra, còn một số hoạt động khác như triển lãm ATVSLĐ, tổ chức góc BHLĐ, , tổ chức ký cam kết với các doanh nghiệp hoặc trong doanh nghiệp

3.2 - Tổ chức các hội thảo, hội nghị khoa học quốc tế và trong nước tại Việt Nam

Bảng 6: Danh mục hội thảo, hội nghị

STT	Tên hội thảo, hội nghị	Năm	Đơn vị tổ chức
1	Hội thảo chăm sóc sức khỏe NLD trong tình hình mới	2006	BYT
2	Hội thảo tiểu khu vực về các tổ chức ATVSLĐ của NSDLĐ	18/4/2007	ILO- VCCI
3	Hội thảo Hướng ứng ngày thế giới về an toàn và vệ sinh lao động	24/4/2007	Bộ LĐTBXH - ILO
4	Phiên họp thứ ba của Hội đồng quốc gia về Bảo hộ lao động	5/7/2007	Hội đồng quốc gia về BHLĐ
5	Hội thảo an toàn lao động trong ngành khai khoáng	5-7/9/2007	Hiệp hội bảo hiểm Đức (ISA/StBG), BLĐTBXH(Cục ATLĐ)
6	Hội thảo định hướng công tác huấn luyện an toàn - vệ sinh lao động đến năm 2010	27-28/11/2006	BLĐTBXH- Dự án VIE/05/01/LUX – 2008
7	Hội thảo khoa học NILP-JISHA	2006, 2007	NILP
8	Hội thảo nâng cao công tác huấn luyện an toàn - vệ sinh lao động (Sơn Tây và Tp Hồ Chí Minh)	31/1-1/2/2007, 20-21/3/2007	BLĐTBXH- Dự án VIE/05/01/LUX
9	Hội thảo chuyên đề vệ sinh lao động	11/5/2007	BLĐTBXH- Dự án VIE/05/01/LUX
10	Hội thảo chuyên đề kỹ thuật an toàn lao động	19/11/2007	BLĐTBXH- Dự án VIE/05/01/LUX
11	Hội nghị Chất lượng tốt nhất - Sản xuất an toàn – Lao động khoẻ mạnh - Chiến lược và dịch vụ cho ngành công nghiệp bê tông	23/11/2007	Hiệp hội an sinh xã hội quốc tế trong lĩnh vực khai khoáng (BBG/StBG), BLĐTBXH(Cục ATLĐ)
12	Hội thảo Chuyên đề pháp luật lao động	11/2007	BLĐTBXH- Dự án VIE/05/01/LUX
13	Hội thảo hướng dẫn triển khai Chương trình Quốc Gia cho lãnh đạo, thanh tra thuộc 64 Sở	11/2007, 12/2007	BLĐTBXH - Dự án BPS

	LĐTBXH (tại Hà Nội và tp Hồ Chí Minh)		
14	Hội thảo An toàn trong khai khoáng	5-7/9/2007	Hiệp Hội Bảo hiểm Đức, BLĐTBXH
15	Hội thảo “Chất lượng tốt nhất - Sản xuất an toàn - Lực lượng lao động khoẻ mạnh: Chiến lược và dịch vụ cho ngành công nghiệp bê tông	23/11/2007	Hiệp Hội Bảo hiểm Đức, BLĐTBXH
16	Hội thảo “TNLĐ ở Việt Nam - Thực trạng và giải pháp”	4/12/2007	Hội KHKT ATLĐ, Công ty bảo hiểm Liberty Insurance
17	Hội thảo công tác huấn luyện ATVSLĐ tại Việt nam	18/3/2008	BLĐTBXH- Dự án VIE/05/01/LUX – 2008
18	Hội thảo báo cáo tư vấn về công tác huấn luyện ATVSLĐ tại Việt Nam	28/4/2008	BLĐTBXH- Dự án VIE/05/01/LUX – 2008
19	Hội thảo an toàn lao động trong Thời kỳ hội nhập	28/4/2008	BLĐTBXH
20	Thực hiện có hiệu quả Cơ chế tăng cường ATVSLĐ quốc gia	12-14/5/2008	BLĐTBXH, ILO và ASEAN OSHNET
21	Hội thảo quốc tế về an toàn sử dụng hoá chất	2008	NILP
22	Hội thảo quốc tế về Sử dụng Amiăng an toàn	8/2008	NILP
23	Hội thảo Việt Nhật về thiết bị xử lí rác thải sinh hoạt và đô thị	7/2008	NILP
24	Hội nghị Triển khai phòng chống BNN (phía Bắc, phía Nam)		BYT
25	Hội nghị Khoa học quốc tế về y học lao động và vệ sinh môi trường lần thứ 3	21-23/10/2008	BYT, Hội YHLĐ Việt Nam, Trường Đại học Oa-sinh-ton Hoa Kỳ
26	Hội thảo Xây dựng Luật An toàn - vệ sinh lao động (phía Bắc)	5/11/2008	BLĐTBXH- ILO
27	Hội thảo Xây dựng Luật An toàn - vệ sinh lao động (phía Nam)	11/11/2008	BLĐTBXH- ILO
28	Hội nghị Phòng chống tai nạn thương tích Châu Á – Thái Bình Dương lần 2	4-6/11/2008	BYT, Tổ chức Y tế thế giới, Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc
29	Hội thảo đánh giá giữa kỳ dự án nâng cao năng lực huấn luyện An toàn - vệ sinh lao động ở Việt Nam	4/11/2008	BLĐTBXH, ILO
30	Hội thảo Thanh tra An toàn - vệ	3-	BLĐTBXH(Cục

	sinh lao động	7/11/2008	ATLĐ), Bộ Nguồn Nhân lực Xin-ga-po (Cục ATVSLĐ)
31	Hội nghị Mạng Thông tin quốc gia về ATVSLĐ hàng năm	tháng 12 hàng năm	BLĐTBXH - NIOEH, NILP

3.3 - Các tài liệu tuyên truyền (tờ rơi, áp phích...)

Bảng 7: Tài liệu tuyên truyền

STT	Đơn vị	Loại tài liệu	Số lượng	Thời gian
1	Bộ Xây dựng	Áp phích, khẩu hiệu	10.000 tờ	2007-2008
2	TLĐLĐVN	Áp phích, khẩu hiệu, băng rôn	107.544 cái	2006
			47.939 cái	2007
			102.111 cái	6 tháng đầu năm 2008
		Tờ rơi ATVSLĐ	1.006.469 tờ	2006
			359.824 tờ	2007
			176.995 tờ	6 tháng đầu năm 2008
		Sách	80.593 quyển	2006
			75.386 quyển	2007
3	Bộ Công an	Panô, Áp phích, băng rôn, khẩu hiệu	5.825 cái	2006
			5.936	2007
			4.252	9 tháng đầu năm 2008
		Khuyến cáo, tờ rơi	67.958 tờ	2006
			69.125 tờ	2007
			61.327 tờ	9 tháng đầu năm 2008
4	BYT (Cục Y tế dự phòng và Môi trường, NIOEH)	Áp phích	50.876 tờ	2006-2008

3.4 – Các hoạt động thông tin tuyên truyền khác

Bảng 8: Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng và tổ chức các cuộc thi

STT	Đơn vị	Hoạt động	Số lượng	Ghi chú
-----	--------	-----------	----------	---------

1	TLĐLĐVN	Toạ đàm, phỏng vấn trên truyền hình	172 cuộc	Năm 2006		
			136 cuộc	Năm 2007		
			187 cuộc	6 tháng đầu năm 2008		
		Các phóng sự phát thanh, truyền hình	1430 tin, bài	Năm 2006		
			2290 tin	Năm 2007		
			568 tin	6 tháng đầu năm 2008		
		Các bài viết trên báo, tạp chí	1289 bài	Năm 2006		
			1970 bài	Năm 2007		
			686 bài	6 tháng đầu năm 2008		
		Tổ chức trưng bày triển lãm các hoạt động về ATVSLĐ	219 cuộc	Năm 2006		
			139 cuộc	Năm 2007		
			157 cuộc	6 tháng đầu năm 2008		
Tổ chức thi tìm hiểu về ATVSLĐ- PCCN	1.009 cuộc	Năm 2006				
	491 cuộc	Năm 2007				
	483 cuộc	6 tháng đầu năm 2008				
2	Bộ Công An	Tuyên truyền trực tiếp	3.543 buổi / 275.860 người	Năm 2006		
			1.820 buổi / 100.680 người	Năm 2007		
			2.487 buổi / 127.623 người	9 tháng đầu năm 2008		
		Tổ chức ký cam kết an toàn PCCC	137.728 cơ sở	Năm 2006		
			38.365 cơ sở	Năm 2007		
			19.491 cơ sở	9 tháng đầu năm 2008		
		Tin, bài, phóng sự	1.059	Năm 2006		
			1.129	Năm 2007		
			902	9 tháng đầu năm 2008		
		3	Bộ Quốc phòng	Tin, bài, phóng sự, toạ đàm	782	2006-2008
				Hội thi về phòng cháy, chữa cháy.	925 cuộc	2006-2008
				Thi tìm hiểu về ATVSLĐ, PCCN	440 cuộc / 61.418 người	2006-2008

4 - Hoạt động thanh tra ATVSLĐ

- Đội ngũ thanh tra viên và trình độ chuyên môn.

Bảng 9: Tổng hợp về tình hình cán bộ thanh tra LĐTBXH năm 2006

STT	Nội dung	Sở	Bộ	Tổng	Tỷ lệ
1	Số thanh tra viên, cán bộ thanh tra	275	34	309	100
2	Phân theo giới tính				
2.1	Nam	227	28	255	82.5
2.2	Nữ	48	6	54	17.5
3	Phân theo tuổi				
3.1	> 50 tuổi	55	10	65	21.0
3.2	từ 35 đến 50	160	15	175	56.6
3.3	< 35 tuổi	60	9	69	22.3
4	Thời gian làm việc trong ngành				
4.1	> 20 năm	34	9	43	13.9
4.2	Từ 10 – 20 năm	65	3	68	22.0
4.3	Từ 3-10 năm	115	14	129	41.7
4.4	Dưới 3 năm	61	8	69	22.3
5	Trình độ				
5.1	Tiến sỹ	0	1	1	0.3
5.2	Thạc sỹ	3	4	7	2.3
5.3	đại học	246	29	275	89.0
5.4	Cao đẳng, trung cấp, sơ cấp	26	0	26	8.4
6	Chuyên môn được đào tạo				
6.1	Các ngành kỹ thuật	97	6	103	33.3
6.2	Bác sỹ	1	2	3	1.0
6.3	Ngành luật, kinh tế, xã hội	146	26	172	55.7
6.4	Các ngành khác	31	0	31	10.0
7	Qua lớp bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra				
7.1	Đã qua	176	27	203	65.7
7.2	Chưa qua	99	7	106	34.3

Bảng 10: Số lượng thanh tra viên, trình độ chuyên môn đến tháng 3/2008

Phân loại	Lãnh đạo	Thanh tra viên	Cán bộ thanh tra	Tổng	Đã học nghiệp vụ thanh tra
Sở	114	151	176	441	235
Bộ	6	29	20	55	32
Cả nước	120	180	196	496	267

- Tình hình thanh tra, kiểm tra và xử lý sai phạm.

Bảng 11: Tình hình thanh tra, kiểm tra và xử lý sai phạm

Năm	Số cuộc thanh tra, kiểm tra LĐ	số sai phạm	Số cuộc thanh tra ATVSLĐ	Số sai phạm ATVSLĐ	Số lượng xử phạt hành chính	Số tiền xử phạt (triệu)
2006	191	990	13	66	1	20
2007	322	1940	29	152	2	35
6 tháng đầu năm 2008	94	709	13	27		
Tổng	607	3639	55	245	3	55

5- Tình hình TNLD, BNN, sức khoẻ NLD

5.1- Tình hình TNLD năm 2005 -2008, nguyên nhân, giải pháp phòng ngừa

Bảng 12 : Tổng hợp tình hình TNLD 2005 – 2008

Năm	2005	2006	2007	2008
Số vụ	4.050	5.881	5.951	5.836
Số người bị nạn	4.164	6.088	6.337	6.047
Số vụ chết người	443	505	505	508
Số người chết	473	536	621	573

Các địa phương xảy ra nhiều TNLD chết người là những địa phương có công nghiệp phát triển như tp Hồ Chí Minh, Vĩnh Long, Quảng Ninh, Đồng Nai, Bình Dương...

Các Bộ, ngành xảy ra nhiều TNLD chết người đó là các doanh nghiệp thuộc Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng, Bộ Giao Thông - Vận Tải.

Các lĩnh vực sản xuất xảy ra nhiều TNLD chết người là: Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp và công trình giao thông; Xây dựng; Khai thác than, khoáng sản; Sản xuất vật liệu xây dựng; Cơ khí chế tạo, cụ thể:

- **Năm 2005:** Phân tích từ các biên bản điều tra của 253 vụ tai nạn lao động chết người, lĩnh vực xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp và công trình giao thông xảy ra nhiều TNLD chết người nhiều nhất, chiếm 37,55% tổng

số vụ và 36,26% tổng số người chết; Lĩnh vực khai thác than chiếm 10,28% tổng số vụ và 14,29% tổng số người chết; Lĩnh vực cơ khí chế tạo chiếm 9,09% tổng số vụ và 8,42% tổng số người chết; Lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng chiếm 8,30% tổng số vụ và 8,06% tổng số người chết.

- **Năm 2006:** Phân tích từ 244 biên bản điều tra tai nạn lao động chết người, lĩnh vực xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp và công trình giao thông xảy ra nhiều TNLD chết người nhất, chiếm 34,43% tổng số vụ và 32,45% tổng số người chết; Lĩnh vực khai thác than chiếm 12,7% tổng số vụ và 16,98% tổng số người chết; Lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng chiếm 9,02% tổng số vụ và 8,3% tổng số người chết; Lĩnh vực cơ khí chế tạo chiếm 7,8% tổng số vụ và 7,17% tổng số người chết.

- **Năm 2007:** Phân tích từ 240 biên bản điều tra tai nạn lao động chết người, lĩnh vực xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp và công trình giao thông xảy ra nhiều TNLD chết người nhất, chiếm 27,86% tổng số vụ và 44,37% tổng số người chết; Lĩnh vực khai thác khoáng sản chiếm 12,93% tổng số vụ và 14,29% tổng số người chết; Lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng chiếm 4,98% tổng số vụ và 5,12% tổng số người chết; Lĩnh vực cơ khí chế tạo chiếm 7,8% tổng số vụ và 7,17% tổng số người chết.

- **Năm 2008:** Phân tích từ 181 biên bản điều tra tai nạn lao động chết người, lĩnh vực xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp và công trình giao thông xảy ra nhiều TNLD chết người nhất, chiếm 29,54% tổng số vụ tai nạn và 29,72% tổng số người chết; Lĩnh vực khai thác khoáng sản chiếm 8,52% tổng số vụ và 12,73% tổng số người chết; Lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng chiếm 7,59% tổng số vụ và 10,37% tổng số người chết; Lĩnh vực cơ khí chế tạo chiếm 5,11% tổng số vụ và 4,24% tổng số người chết.

Bảng 13 : Lĩnh vực xảy ra nhiều TNLD chết người 2005-2007

Lĩnh vực	2005	2006	2007	Tổng
Xây dựng	172	174	276	817
Lắp đặt, sửa chữa, sử dụng điện	68	55	94	370
Khai thác khoáng sản	38	91	89	287
Sử dụng thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt ATLD	28	40	59	162
Lĩnh vực khác	167	176	103	1082
Tổng	473	536	621	2718

Ghi chú: Lĩnh vực xảy ra nhiều TNLD chết người năm 2008 không thống kê chi tiết số người.

5.2 - Y tế lao động

5.2.1 Năm 2006

5.2.1.1. Củng cố hoạt động tổ chức

Đã có 50 Trung tâm YTDP tỉnh, trung tâm y tế ngành thành lập khoa y tế lao động chiếm 64,1%. Đã có 37 phòng khám BNN tại 31 tỉnh và 6 ngành (không có thay đổi so với năm 2005). Nhìn chung, các tỉnh và các ngành đã bước đầu trang bị máy móc và trang thiết bị đo đạc kiểm tra môi trường và khám BNN.

Bảng 14: Cán bộ, chuyên gia khoa y tế lao động, phòng khám BNN

TT	Nội dung	Địa phương	Các ngành	Cộng 2006
1	Tổng số cán bộ ch/trách	305	265	570
2	Trong đó: Bác sỹ	129	145	274
	Dược sỹ	11	7	18
	Trình độ đại học khác	58	37	95
	Trình độ trung cấp	106	76	182
3	Giám định viên BNN	29	16	45
4	Khoa Y tế lao động	45	8	53
5	Phòng khám BNN	31	6	37

Tỉnh Kiên Giang đã tiến hành tách Trung tâm Sức khỏe Lao động Môi trường ra khỏi Trung tâm Y tế Dự phòng. Hoạt động chỉ đạo tuyến và củng cố hoạt động về chuyên môn và tổ chức tại các Trung tâm như Vĩnh Phúc, Bình Dương và Kiên Giang đã được các BHYT và các Viện trực thuộc hệ y tế dự phòng thực hiện.

Tuy nhiên, hoạt động khám BNN mới chỉ được triển khai định kỳ hàng năm tại khoảng 25 – 30 phòng khám BNN của các địa phương và Bộ ngành. Một số tỉnh cũng đã thành lập phòng khám BNN nhưng việc triển khai hoạt động chưa được hiệu quả như Cao Bằng, Bắc Giang, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Ngãi, Lâm Đồng.

Đội ngũ cán bộ chuyên trách tuy có được bổ sung về số lượng nhưng còn rất hạn chế về mặt chất lượng và đào tạo chuyên môn. Các chương trình đào tạo sau đại học và chuyên ngành sức khỏe và BNN tại các trường đại học y chưa được chú trọng xây dựng. Đội ngũ giám định viên BNN mặc dù cũng được đào tạo và đào tạo lại nhưng số lượng thì ngày càng giảm sút, số cán bộ trẻ có năng lực và được đào tạo có bằng cấp chuyên môn có thể tham gia giám định BNN tại tuyến tỉnh có số lượng hạn chế.

5.2.1.2. Chỉ đạo hoạt động y tế lao động và phòng chống BNN

Tiến hành tổng kết hoạt động y tế lao động trong giai đoạn 2001-2005 và xây dựng định hướng kế hoạch giai đoạn 2006-2010.

Tổ chức tổng kết hoạt động của dự án Phòng chống bệnh bụi phổi năm 2005, xây dựng và được phê duyệt kế hoạch hoạt động năm 2006. Chỉ đạo các tỉnh và các ngành triển khai các hoạt động giám sát và can thiệp phòng chống bệnh bụi phổi silic.

Xây dựng và hoàn chỉnh báo cáo tổng kết hồ sơ an toàn vệ sinh lao động các tuyến tỉnh/huyện/xã.

Xây dựng tiêu chuẩn khám tuyến và định kỳ ngành nghề tiếp xúc vi sinh vật; Kế hoạch hành động về an toàn vệ sinh lao động trong các cơ sở y tế; Nội dung trang web về sức khỏe và BNN; Kế hoạch can thiệp thí điểm chăm sóc sức khỏe NLD trong nông nghiệp, làng nghề; Điều tra về năng lực công nghệ thông tin tại tuyến tỉnh; Kế hoạch nâng cao sức khỏe tại các tỉnh Bắc Ninh, Quảng Nam và An Giang.

5.2.1.3. Công tác quản lý môi trường lao động tại các cơ sở sản xuất

Theo số liệu báo cáo của các tỉnh và ngành, đã có trên 1200 cơ sở được đo kiểm tra giám sát môi trường lao động (chiếm 18% số cơ sở có báo cáo tại địa phương). Tổng số mẫu đo kiểm tra môi trường đã được đo là **242.345**; trong đó số vượt tiêu chuẩn cho phép là 40.956 mẫu, chiếm 16,9%.

Những đơn vị thực hiện tốt công tác đo kiểm tra môi trường lao động tại các cơ sở bao gồm: thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Thái Nguyên, Nam Định, Thừa Thiên Huế, Khánh Hoà, Đồng Nai, Cần Thơ, An Giang.

Bảng 15 : Hoạt động kiểm tra môi trường lao động

T T	Yếu tố độc hại	2005		2006	
		Số mẫu	% vượt TCCP	Số mẫu	% vượt TCCP
1	Bụi	20283	15.9%	123066	16.1%
2	ồn	29715	28.1%	26094	13.69%
3	ánh sáng	34417	21.4%	31517	25.0%
4	Hơi khí độc	15112	11.4%	38705	17.5%
5	Vi khí hậu	119674	16.7%	10708	11.9%
6	Độ rung	2754	12.9%	3259	13.4%
7	Phóng xạ, từ trường	3784	6.6%	8308	11.9%
8	Yếu tố khác	2787	6.9%	688	18.5%
	Tổng cộng	228.526	18.2%	242.345	16.9%

5.2.1.4. Tình hình sức khỏe, bệnh tật trong công nhân

Trong năm 2006, đã có 3.854 cơ sở sản xuất tại các tỉnh/ngành đã tiến hành khám sức khỏe định kỳ cho công nhân. Tổng số đã có 469.931 công nhân (chiếm khoảng 30% công nhân) được khám sức khỏe định kỳ.

Bảng 16 : Kết quả khám sức khỏe định kỳ

TT	Nội dung	Loại 1	Loại 2	Loại 3	Loại 4	Loại 5	Tổng
1	Năm	110.723	243.972	138.654	41.519	8208	543.086

TT	Nội dung	Loại 1	Loại 2	Loại 3	Loại 4	Loại 5	Tổng
	2005						
	Tỷ lệ	20,4%	44,9%	25,5%	7,65%	1,5%	100%
2	Năm 2006	171.990	201.292	126.418	38.622	26.462	469.931
	Tỷ lệ	19,4%	40,3%	27,9%	9,4%	2,9%	100%

Số công nhân có sức khỏe yếu (loại 4, 5) trong năm 2006 là 65.084 trường hợp, chiếm tỷ lệ 13,8% cao hơn so với kết quả của nhiều năm (chiếm khoảng 7 - 9%).

Trong tổng số 739.910 công nhân tại 1.061 cơ sở sản xuất báo cáo, có 131.211 người nghỉ ốm với số lượt nghỉ ốm là 308.564 và tổng số ngày nghỉ ốm là 863.773. Tỷ lệ nghỉ ốm trong công nhân là 17,7%. Số ngày nghỉ ốm trung bình của một công nhân là 1,17.

Theo báo cáo của các địa phương và ngành, tổng cộng đã có 307.500 trường hợp khám chữa bệnh tại y tế cơ sở. Trong đó các bệnh về đường hô hấp chiếm 25.3%, bệnh về mắt 6.8%, bệnh cơ xương khớp 5.5%, bệnh về tai 8.2%, bệnh về da 3.7%.

Bảng 17 : Tình hình bệnh tật trong công nhân

T T	Tên bệnh	2005	2006
		Tỷ lệ %	Tỷ lệ %
1	Bệnh đường hô hấp	25.3%	30.5%
2	Bệnh về mắt	6.8%	6.6%
3	Bệnh cơ xương khớp	5.5%	5.7%
4	Bệnh về tai	8.2%	4.6%
5	Bệnh về da	3.7%	2.3%
6	Bệnh tim mạch	2.6%	2.9%
7	Lao phổi	0.3%	0.3%
8	Ung thư	0.1%	0.024%
9	Các bệnh khác	43.1%	46.9%
	Tổng cộng	100%	100%

Các bệnh nguy hiểm như tim mạch chiếm 2.6%, lao phổi 0.3% và ung thư 0.024%. Các bệnh khác chiếm tỷ lệ 46.9%.

5.1.2. 5. Tình hình BNN

Theo báo cáo trong năm 2006, mới có 24 tỉnh/ngành tiến hành khám 11 loại BNN tại trên 200 cơ sở sản xuất có nguy cơ mắc BNN. Tổng số công nhân được khám là 53.863, trong đó có 5.018 người được chẩn đoán mắc BNN (chiếm tỷ lệ 9,4%).

Bảng 18 : Tình hình BNN đến năm 2006

TT	Tên BNN	Số khám	Chẩn đoán	Giám định	Trợ cấp	Cấp số	Tích lũy 2006
----	---------	---------	-----------	-----------	---------	--------	---------------

TT	Tên BNN	Số khám	Chẩn đoán	Giám định	Trợ cấp	Cấp số	Tích lũy 2006
1.	Bệnh bụi phổi silic (BP-silic)	13965	1536	434	114	238	17.262
2.	Bệnh bụi phổi Amiăng	28	1				3
3.	Bệnh bụi phổi bông (BP-bông)	431					278
4.	Bệnh viêm phế quản (PQ)	2420	244	24		21	99
5.	Bệnh nhiễm độc chì và các hợp chất chì	482	69	14		1	309
6.	Bệnh nhiễm độc benzen	7645	822				2
7.	Bệnh nhiễm độc thủy ngân						14
8.	Bệnh nhiễm độc TNT	12					151
9.	Bệnh nhiễm độc Nicotine	304					259
10.	Bệnh nhiễm độc hoá chất trừ sâu	1246	47	7	6		292
11.	Bệnh do q/tuyến X và các chất phóng xạ	485	37	4			7
12.	Bệnh điếc do tiếng ồn (điếc)	21994	1870	327	99	45	3.722
13.	Bệnh rung chuyển nghề nghiệp	103	2				20
14.	Bệnh sạm da nghề nghiệp	2076	277	130		6	570
15.	Bệnh loét da, loét vách ngăn mũi, viêm da, chàm tiếp xúc	2088	101				9
16.	Bệnh lao nghề nghiệp	8	8	8		7	53
17.	Bệnh viêm gan virus nghề nghiệp						111
18.	Bệnh leptospira nghề nghiệp	396	4				3
	Tổng cộng	53863	5018	948	219	318	23.164

Số công nhân đã được giám định là 948 (chiếm tỷ lệ 18,9%), trong đó có 219 trường hợp được hưởng trợ cấp 1 lần và 318 trường hợp được cấp số (chiếm 55,6% các trường hợp đưa ra giám định).

Những tỉnh đã thực hiện triển khai tương đối tốt công tác khám BNN bao gồm: Thừa Thiên Huế, thành phố Đà Nẵng, Đồng Nai, thành phố Hồ Chí Minh, Cục Quân Y, Trung tâm Y tế Bộ Xây dựng và Đường sắt.

Tuy nhiên, trong năm 2006 các địa phương mới đưa ra giám định được đối với 8/21 loại BNN; trong đó bệnh bụi phổi-silic có 434 trường hợp (45,8%),

bệnh điếc do ồn 327 trường hợp (34,5%); sạm da nghề nghiệp 130 trường hợp (13,7%). Còn lại là các trường hợp viêm phế quản mạn tính (24), nhiễm độc chì (14), lao nghề nghiệp (8) và bệnh do quang tuyến X và phóng xạ (4 ca)

5.1.2.6- Tình hình nhiễm độc thuốc bảo vệ thực vật

Thông kê sơ bộ tại 31 tỉnh trong 9 tháng đầu năm đã có 2.504 vụ nhiễm độc thuốc bảo vệ thực vật với 3.006 trường hợp, tử vong chiếm 1.5% (45 ca). Những tỉnh có báo cáo các trường hợp tử vong cao (trên 5 ca): Thái Bình, Ninh Thuận, Đắk Lắk và Lâm Đồng.

Bảng 19 : Tình hình nhiễm độc thuốc bảo vệ thực vật

TT	Nội dung	2005	2006
1	Số vụ nhiễm độc	2241	2504
2	Số trường hợp nhiễm độc	4223	4943
3	Số tử vong	134	155
	Trong đó: Do tự ý: Số ca	3285	3837
	Tử vong	123	144
	Do ăn uống: Số ca	815	943
	Tử vong	7	7
	Do lao động: Số ca	133	163
	Tử vong	4	4

Nguyên nhân của các trường hợp nhiễm độc chủ yếu là do tự ý với 3.837 ca chiếm 77,6% với 144 trường hợp tử vong (chiếm 92,9% các trường hợp tử vong). Những trường hợp ăn uống nhầm có 934 ca chiếm 18,9% với 7 trường hợp tử vong (3,3% các trường hợp tử vong). Số trường hợp nhiễm độc do lao động là 163 ca chiếm 8,1%, có 4 trường hợp tử vong.

Nhận xét chung: các báo cáo nhiễm độc thuốc BVTV nói chung và TNLD trong ngành sản xuất nông nghiệp chưa được cập nhật đầy đủ và mạng lưới hệ thống báo cáo còn thiếu và yếu.

5.2.2- Năm 2007

5.2.2.1. Củng cố hoạt động tổ chức khoa y tế lao động ở tuyến tỉnh:

Đã có 54 Trung tâm YTDP tỉnh, trung tâm y tế ngành thành lập khoa y tế lao động (chiếm 70,1%). Đã có 37 phòng khám BNN tại 31 tỉnh và 6 ngành. Nhìn chung cho các tỉnh và các ngành cũng đã bước đầu được trang bị máy móc và trang thiết bị đo đạc kiểm tra môi trường và khám BNN để đáp ứng cho công tác quản lý. Hoạt động chỉ đạo tuyến và củng cố hoạt động về chuyên môn và tổ chức tại các Trung tâm như Vĩnh Phúc, Bình Dương, Đồng Nai và Kiên Giang đã được BHYT và các Viện trực thuộc hệ y tế dự phòng tiến hành trong năm 2007.

5.2.2.2. Công tác chỉ đạo hoạt động y tế lao động

* *Hoạt động phòng chống BNN năm 2007 của BHYT*: Các hoạt động chủ yếu tập trung vào các Viện thuộc hệ y tế dự phòng (Viện YHLĐ và VSMT, Viện Pasteur Nha Trang, Viện Vệ sinh Y tế công cộng TP. Hồ Chí Minh, Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên) và Trường Đại học Y tế công cộng. Cụ thể: Điều tra nguy cơ và tỷ lệ hiện mắc và tỷ lệ mắc mới 4 BNN chính (Bụi phổi silic, đỉc, sạm da và nhiễm khuẩn nghề nghiệp); Điều tra thực trạng công tác giám định, điều trị và phục hồi chức năng BNN tại tuyến tỉnh và các Bộ, ngành; Tập huấn nâng cao năng lực khám và chẩn đoán, giám định BNN cho tuyến tỉnh và các Bộ, ngành. Bổ sung một số trang thiết bị cho các Viện; Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, xây dựng thông điệp tuyên truyền phòng chống BNN.

* *Hoạt động phòng chống bệnh bụi phổi-silic*: Trong năm 2007 dự án tiếp tục được triển khai tại các ngành Xây dựng, Giao thông Vận tải, Quốc phòng,... và tập trung vào các hoạt động thông tin, tuyên truyền, tập huấn về phòng chống bệnh bụi phổi silic...

* *Hoạt động bảo vệ sức khỏe NLD trong nông nghiệp và lao động nữ, nâng cao sức khỏe tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa*. Phối hợp chỉ đạo và thực hiện tại địa bàn các tỉnh Quảng Nam, Yên Bái và Nghệ An.

5.2.2.3 – Quản lý Môi trường lao động tại các cơ sở sản xuất

Theo số liệu báo cáo của các tỉnh và ngành đến tháng 12/2007, mới chỉ có trên 2.000 cơ sở được đo kiểm tra giám sát môi trường lao động (*chiếm khoảng 20% số cơ sở được quản lý tại địa phương và chỉ chiếm khoảng 1% tổng số cơ sở sản xuất trong toàn quốc*). Tổng số mẫu đo kiểm tra môi trường đã được đo là 324.910 (tăng 34,1% so với cùng kỳ năm 2006); trong đó số vượt tiêu chuẩn cho phép là 46.863 mẫu, chiếm 14,42% (giảm 2,5% so với năm 2006). Những đơn vị thực hiện tốt công tác đo kiểm tra môi trường lao động tại các cơ sở bao gồm: thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Thái Nguyên, Phú Thọ, Nam Định, Thừa Thiên Huế, Khánh Hoà, Bình Dương, Đồng Nai, Cần Thơ, An Giang và Kiên Giang.

Bảng 20: Hoạt động kiểm tra môi trường lao động

TT	Yếu tố độc hại	2006		2007	
		Số mẫu	% vượt TCCP	Số mẫu	% vượt TCCP
1	Bụi	26 094	13,69%	37 169	12,1%
2	Ồn	31 517	25,0%	38 866	22,09%
3	Ánh sáng	38 705	17,5%	51 890	14,31%
4	Hơi khí độc	10 708	11,9%	28 209	7,02%
5	Vi khí hậu	123 066	16,1%	156 497	14,55%
6	Độ rung	8 308	11,9%	3 445	19,71%
7	Phóng xạ, từ trường	3 259	13,4%	4 820	12,07%
8	Yếu tố khác	688	18,5%	4 014	8,69%

	Tổng cộng	242.345	16,9%	324 910	14,4%
--	------------------	----------------	--------------	----------------	--------------

5.2.2.4 – Tình hình sức khoẻ, bệnh tật trong công nhân

- Đã có 2.879 cơ sở sản xuất tiến hành khám sức khoẻ định kỳ cho công nhân. Tổng số đã có 1.266.507 công nhân – tăng hơn 2,5 lần so với năm 2006 (chiếm khoảng 30% công nhân) được khám sức khoẻ định kỳ. Số công nhân có sức khoẻ yếu (loại 4, 5) trong năm 2007 là 134.403 trường hợp, chiếm tỷ lệ 10,6% (giảm 3,2% so với kết quả của năm 2006).

Bảng 21 : Kết quả khám sức khoẻ định kỳ

Nội dung	Loại 1	Loại 2	Loại 3	Loại 4	Loại 5	Tổng cộng
Năm 2007	231 825	532 331	367 948	106 712	27 691	1 266 507
Tỷ lệ%	18.3%	42.03%	29.05%	8.43%	2.19%	100%

- Trong tổng số 775.675 công nhân tại trên 1.000 cơ sở sản xuất báo cáo, có 101.470 người nghỉ ốm với số lượt nghỉ ốm là 359.072 và tổng số ngày nghỉ ốm là 1.373.956. Tỷ lệ nghỉ ốm trong công nhân là 13,1% (Giảm 4,6% so với năm 2006). Số ngày nghỉ ốm trung bình của một công nhân là **1,77** (tăng 0,6 ngày/công nhân).

- Theo báo cáo của các địa phương và ngành, tổng cộng đã có 1.186.283 trường hợp khám chữa bệnh tại y tế cơ sở. Trong đó các bệnh về đường hô hấp chiếm 31,57% (tăng 1% so với 2006), bệnh về mắt 5,99% (giảm 0,6%), bệnh cơ xương khớp 5,06% (giảm 0,64%), bệnh về tai 2,14% (giảm 2,5%), bệnh về da 2,35% (giảm 0,05%). Các bệnh nguy hiểm như tim mạch chiếm 2,99%, lao phổi 0,08% và ung thư 0,04%. Các bệnh khác chiếm tỷ lệ 49,78%.

Bảng 22 : Tình hình bệnh tật trong công nhân

TT	Tên bệnh	2006	2007
		Tỷ lệ %	Tỷ lệ %
1	Bệnh đường hô hấp	30,5%	31,57%
2	Bệnh về mắt	6,6%	5,99%
3	Bệnh cơ xương khớp	5,7%	5,06%
4	Bệnh về tai	4,6%	2,14%
5	Bệnh về da	2,3%	2,35%
6	Bệnh tim mạch	2,9%	2,99%
7	Lao phổi	0,3%	0,08%
8	Ung thư	0,024%	0,04%
9	Các bệnh khác	46,9%	49,78%
	Tổng cộng	100%	100%

5.2.2.5. Bệnh nghề nghiệp

- Số tích lũy BNN trong toàn quốc đến tháng 12/2007 là 23.872 trường hợp, trong đó bệnh bụi phổi silic là 17.785 ca chiếm 74,5%, điếc nghề nghiệp là 3.818 ca chiếm 16% .

- Mới có 22 tỉnh/ngành tiến hành khám 15 loại BNN tại trên 200 cơ sở sản xuất có nguy cơ mắc BNN. Tổng số công nhân được khám là 55.252, trong đó có 2.842 người được chẩn đoán mắc BNN (chiếm tỷ lệ 5,14%). Số công nhân đã được giám định là 1.211 (chiếm tỷ lệ 42,6%), trong đó có 338 trường hợp được hưởng trợ cấp 1 lần và 185 trường hợp được cấp sổ (chiếm 43,2% các trường hợp đưa ra giám định).

- Các địa phương mới chỉ đưa ra giám định được đối với 6/25 loại BNN; trong đó bệnh bụi phổi-silic có 884 trường hợp (72,9%), bệnh điếc do ồn 237 trường hợp (19,6%); sạm da nghề nghiệp 175 trường hợp (14,5%). Còn lại là các trường hợp viêm da, loét da chàm tiếp xúc (45), nhiễm độc TNT (36), viêm phế quản mạn tính (3).

- Các tỉnh đã thực hiện triển khai tương đối tốt công tác khám BNN theo hướng dẫn tại Thông tư số 12/2006/TT-BYT bao gồm: Thừa Thiên Huế, thành phố Đà Nẵng, Đồng Nai, thành phố Hồ Chí Minh, Cục Quân Y, Trung tâm Y tế Bộ Xây dựng, Tổng Công ty Than, Đường sắt.

Bảng 23 : Tình hình BNN đến năm 2007

TT	Tên BNN	Số khám	Chẩn đoán	Giám định	Trợ cấp	Cấp sổ	Tích lũy 2007
1	Bệnh bụi phổi silic (BP-silic)	15 662	707	884	338	185	17 785
2	Bệnh bụi phổi Amiăng						3
3	Bệnh bụi phổi bông (BP-bông)	515					278
4	Bệnh viêm phế quản nghề nghiệp	4 366	139	3	1	1	101
5	Bệnh NĐ chì và các hợp chất chì	810	44				309
6	Bệnh nhiễm độc benzen	3 324	295				2
7	Bệnh nhiễm độc thủy ngân						14
8	Bệnh nhiễm độc TNT	106	56	36	7	35	197
9	Bệnh nhiễm độc Nicotine	256	3				259
10	Bệnh nhiễm độc hoá chất trừ sâu	554	58				292
11	Bệnh do q/tuyến X và các chất PX	218					7
12	Bệnh điếc do tiếng ồn (điếc NN)	26 668	1 275	237	46	50	3 818
13	Bệnh rung chuyển nghề nghiệp	76					20
14	Bệnh sạm da nghề nghiệp	2 300	175	6			570
15	Bệnh loét da, loét vách ngăn mũi, viêm da, chàm tiếp xúc	269	86	45	37	4	50
16	Bệnh lao nghề nghiệp						53
17	Bệnh viêm gan virus nghề nghiệp						111
18	Bệnh leptospira nghề nghiệp	127	3				3
	Tổng cộng	55 252	2 842	1 211	338	185	23.872

5.2.2.6 Tình hình nhiễm độc thuốc bảo vệ thực vật

Thống kê sơ bộ tại 38 tỉnh, thành phố trong năm 2007 đã có 4.670 vụ nhiễm độc thuốc bảo vệ thực vật với 5.207 trường hợp, tử vong chiếm 2,03% (106 ca). Những tỉnh có báo cáo các trường hợp tử vong cao (trên 5 ca): Bình Thuận, Ninh Thuận, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Bình Phước và Cà Mau.

Nguyên nhân của các trường hợp nhiễm độc chủ yếu là do tự ý với 4525 ca chiếm 86,9% với 101 trường hợp tử vong (chiếm 95,2% các trường hợp tử vong). Những trường hợp ăn uống nhầm có 540 ca chiếm 10,4% với 3 trường hợp tử vong (2,8% các trường hợp tử vong). Số trường hợp nhiễm độc do lao động là 273 ca chiếm 5,2%, có 2 trường hợp tử vong (Sóc Trăng).

Nhận xét chung: Các báo cáo nhiễm độc thuốc BVTV và TNLD trong ngành sản xuất nông nghiệp chưa được cập nhật đầy đủ và mạng lưới hệ thống báo cáo còn thiếu và yếu. Công tác quản lý hóa chất bảo vệ thực vật còn có nhiều bất cập và hạn chế.

Bảng 24: Tình hình nhiễm độc thuốc bảo vệ thực vật.

TT	Nội dung	2006	2007
1	Số vụ nhiễm độc	2504	4670
2	Số trường hợp nhiễm độc	4943	5207
3	Số tử vong	155	106
	Trong đó: Do tự ý: Số ca	3837	4525
	Tử vong	144	101
	Do ăn uống: Số ca	943	540
	Tử vong	7	3
	Do lao động: Số ca	163	273
	Tử vong	4	2

5.2.3 - Năm 2008

5.2.3.1 - Củng cố hoạt động tổ chức

58 Trung tâm YTDP tỉnh/thành phố, trung tâm y tế Bộ, ngành thành lập khoa y tế lao động (chiếm 75,3%). Đã có 37 phòng khám BNN tại 31 tỉnh và 6 ngành, trong đó chỉ có khoảng 20 phòng khám BNN triển khai khám 3-5 loại BNN. 98,7% các tỉnh, các Bộ, ngành đã trang bị máy, thiết bị thiết yếu để phục vụ công tác giám sát môi trường lao động và khám phát hiện BNN. Đơn vị được trang bị nhiều nhất là Trung tâm Bảo vệ Sức khỏe lao động và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh với 91 trang thiết bị (82 trang thiết bị phục vụ cho công tác vệ sinh lao động và 9 trang thiết bị phục vụ cho phòng khám BNN); tỉnh được trang bị ít nhất là Hà Giang chỉ có 01 trang thiết bị về vệ sinh lao động (thiết bị đo bụi cầm tay). Trong năm 2008, thực hiện Chương trình quốc gia Bảo hộ lao động, 10 tỉnh: Quảng Ninh, Vĩnh Phúc, Thái Nguyên, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Bình Dương, Đồng Nai, Tp. Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Kiên Giang đã được bổ sung 1 số trang thiết bị giám sát môi trường lao động và khám BNN.

BYT và các Viện thực hiện công tác chỉ đạo tuyến tại các Trung tâm như Vĩnh Phúc, Bình Dương, Đồng Nai và Kiên Giang nhằm hỗ trợ các đơn vị củng

cổ các hoạt động về chuyên môn và tổ chức. Các Viện khu vực thực hiện hoạt động chỉ đạo tuyến, hỗ trợ triển khai đối với các tỉnh trọng điểm và triển khai tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán BHYT lao động tại tuyến tỉnh. 25 tỉnh, thành phố đã được giám sát và hướng dẫn công tác y tế lao động và phòng chống BNN, tăng 1,25 lần so với chỉ tiêu năm 2008. 5 Viện TW và các địa phương đã tổ chức 70 lớp tập huấn nâng cao năng lực chẩn đoán, giám định BNN cho đối tượng NSDLĐ, cán BHYT lao động, ATVSV tại doanh nghiệp và cán BHYT lao động tuyến tỉnh và tuyến huyện.

5.2.3.2. Công tác quản lý môi trường lao động tại các cơ sở sản xuất

Theo số liệu báo cáo của các tỉnh và ngành đến hết tháng 12 năm 2008, đã có 4.222 cơ sở được đo kiểm tra giám sát môi trường lao động, tăng gấp 2 lần so với năm 2007. Tổng số mẫu đo kiểm tra môi trường là 372.888, tăng 14,7% so với năm 2007; số mẫu vượt tiêu chuẩn cho phép là 48.648 mẫu (chiếm 13,04%) tăng 3,8% so với năm 2007, chủ yếu là yếu tố rung, ồn, ánh sáng, bụi và vi khí hậu.

Những đơn vị thực hiện tốt công tác đo kiểm tra môi trường lao động tại các cơ sở bao gồm: thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Thái Nguyên, Phú Thọ, Nam Định, Thừa Thiên Huế, Khánh Hoà, Bình Dương, Đồng Nai, Cần Thơ, An Giang, Tiền Giang, Kiên Giang, Sóc Trăng.

Bảng 25: Hoạt động kiểm tra môi trường lao động.

TT	Yếu tố độc hại	Năm 2008		Năm 2007	
		Số mẫu	Tỷ lệ % vượt TCCP	Số mẫu	Tỷ lệ % vượt TCCP
1	Vi khí hậu	172.997	11,6	156.497	14,55
2	Bụi	35.348	12,3	37.169	12,1
3	Ồn	48.178	21,9	38.866	22,09
4	Ánh sáng	60.744	16,7	51.890	14,31
5	Hơi khí độc	28.667	6,16	28.209	7,02
6	Độ rung	3.972	31,8	3.445	19,71
7	Phóng xạ, từ trường	19.968	1,52	4.820	12,07
8	Yếu tố khác	3.014	6,54	4.014	8,69
	Tổng cộng	176.284	13.04%	324.910	14,4%

5.2.3.3. Tình hình sức khoẻ, bệnh tật trong công nhân

- Đã có 3.874/12.444 cơ sở sản xuất tại các tỉnh/ngành đã tiến hành khám sức khoẻ định kỳ cho công nhân (chiếm 31,13% số doanh nghiệp có báo cáo), tăng 1,3 lần so với năm 2007. Tổng số công nhân được khám sức khoẻ định kỳ là 1.981.195 (chiếm khoảng 39,6% công nhân), tăng 1,56 lần so với năm 2007. Số công nhân có sức khoẻ loại 1 là 47,56% tăng 2,5 lần so với năm 2007 (18,3%). Số công nhân có sức khoẻ loại 2 và 3 là 45,84% giảm 1,5 lần so với năm 2007. Số công nhân có sức khoẻ yếu (loại 4, 5) trong năm 2008 là 130.729 trường hợp chiếm tỷ lệ 6,6%, giảm 1,6 lần so với năm 2007.

Bảng 26: Kết quả khám sức khoẻ định kỳ 2008

Nội dung	Loại 1	Loại 2	Loại 3	Loại 4	Loại 5	Tổng cộng
Số người	942.329	535.660	372.477	104.984	25.745	1.981.195
Tỷ lệ%	47,56%	27,04%	18,8%	5,3%	1,3%	100%

- Trong tổng số 1.092.474 công nhân tại các cơ sở có báo cáo, có 138.364 người nghỉ ốm với số lượt nghỉ ốm là 351.289 và tổng số ngày nghỉ ốm là 1.244.292. Tỷ lệ nghỉ ốm trong công nhân là 12,7%, giảm 0,4% so với năm 2007.

- Theo báo cáo của các địa phương và ngành, tổng cộng đã có 1.344.537 trường hợp đến khám chữa bệnh tại y tế cơ sở chiếm 29,8% tổng số công nhân được quản lý. Trong đó các bệnh về đường hô hấp chiếm tỷ lệ cao nhất 29,3%, bệnh về đường tiêu hoá 13,9%, bệnh về mắt 7,81%, bệnh về cơ xương khớp 6,67%. Nhìn chung các bệnh thông thường đều có xu hướng tăng so với năm 2007 như: bệnh về cơ xương khớp tăng 1,61%, bệnh về mắt tăng 1,82%. Một số bệnh có xu hướng giảm: bệnh về đường hô hấp giảm 2,27%; Các bệnh nguy hiểm như tim mạch chiếm 3,34%; lao phổi 0,11% và bệnh ung thư 0,43% (tăng 0.39% so với năm 2007). Các bệnh khác chiếm tỷ lệ 36.1%

Bảng 27: Tình hình bệnh tật trong công nhân

TT	Tên bệnh	Năm 2008	Năm 2007
		Tỷ lệ %	Tỷ lệ %
1	Bệnh đường hô hấp	29.3%	31.57%
2	Bệnh về mắt	7.81%	5.99%
3	Bệnh cơ xương khớp	6.67%	5.06%
4	Bệnh về tai	2.97%	2.14%
5	Bệnh về da	2.16%	2.35%
6	Bệnh tim mạch	3.34%	2.99%
7	Lao phổi	0.11%	0.08%
8	Ung thư	0.43%	0.04%
9	Các bệnh khác	50%	49.78%

5.2.3.4. Tình hình BNN

Đã có 26 tỉnh/ngành tiến hành khám 12 loại BNN cho 1.131 cơ sở sản xuất có nguy cơ gây BNN. Tổng số công nhân được khám là 103.859 (tăng 1,8 lần so với năm 2007), trong đó có 1.037 người được chẩn đoán nghi ngờ mắc BNN (chiếm tỷ lệ 1%). Số công nhân được giám định BNN là 617 trường hợp chiếm tỷ lệ 39.47% (giảm 594 trường hợp so với năm 2007), trong đó có 139 trường hợp được hưởng trợ cấp 1 lần và 164 trường hợp được cấp sổ.

Nhìn chung các tỉnh đã thực hiện triển khai tương đối tốt công tác khám BNN theo hướng dẫn tại Thông tư số 12/2006/TT-BYT. Những tỉnh thực hiện tốt bao gồm: Thừa Thiên - Huế, thành phố Đà Nẵng, Khánh Hoà, Đồng Nai, thành phố Hồ Chí Minh, Nghệ An, Cục Quân Y, Trung tâm Y tế Bộ Công Thương, Tổng Công ty Than.

Bảng 28: Tình hình BNN.

TT	Tên BNN	Số khám	Chẩn đoán	Giám định	Trợ cấp	Cấp sổ	Tích lũy đến 2008
----	---------	---------	-----------	-----------	---------	--------	-------------------

TT	Tên BNN	Số khám	Chẩn đoán	Giám định	Trợ cấp	Cấp số	Tích lũy đến 2008
1	Bệnh bụi phổi silic NN (BP-silic)	23.344	428	428	97	39	17.921
2	Bệnh bụi phổi Amiăng	724	0	0	0		3
3	Bệnh bụi phổi bông (BP-bông)	841	0	0	0		278
4	Bệnh viêm PQ-NN	5.357	0	0	0		101
5	Bệnh NĐ chì và các hợp chất chì	393	0	0	0		309
6	Bệnh nhiễm độc benzen	8.674	0	0	0		2
7	Bệnh nhiễm độc thủy ngân	0	0	0	0		14
8	Bệnh nhiễm độc TNT	577	111	111	0	111	308
9	Bệnh nhiễm độc Nicotine NN	921	3	0	0		259
10	Bệnh nhiễm độc HCTS NN	476	0	0	0		292
11	Bệnh do q/tuyền X và các chất PX	223	1	1	0	1	8
12	Bệnh điếc do tiếng ồn (điếc NN)	57.411	85	77	41	13	3872
13	Bệnh rung chuyển NN	159	0	0	0		20
14	Bệnh sạm da nghề nghiệp	3.468	409	0	0		570
15	Bệnh loét da, loét vách ngăn mũi, viêm da, chàm tiếp xúc	0	0	0	0		50
16	Bệnh lao nghề nghiệp	445	0	0	0		53
17	Bệnh viêm gan virus nghề nghiệp	437	0	0	0		111
18	Bệnh leptospira nghề nghiệp	183	0	0	0		3
	Tổng cộng năm 2008	103.859	966	617	139	164	24.175
	Năm 2007	55.252	2.842	1.211	338	185	23.872

5.2.3.5. Tình hình nhiễm độc thuốc bảo vệ thực vật

Thống kê sơ bộ tại 31 tỉnh, thành phố đã có 6.807 vụ nhiễm độc thuốc bảo vệ thực vật với 7.572 trường hợp (tăng 1,4 lần so với năm 2007), tử vong 137 trường hợp chiếm 1,8% (tăng 1,2% so với năm 2007). Những tỉnh có báo cáo các trường hợp tử vong cao (trên 5 ca): Thái Bình (27), Đắc Lắc (34).

Nguyên nhân của các trường hợp nhiễm độc chủ yếu là do tự ý với 5.734 ca chiếm 75,7% với 125 trường hợp tử vong (chiếm 91,2% các trường hợp tử vong). Những trường hợp ăn uống nhầm có 453 ca với 8 trường hợp tử vong. Số trường hợp nhiễm độc do lao động là 373 ca chiếm với 4 trường hợp tử vong (2 ca ở Kiên Giang, 1 ca ở Cà Mau, 1 ca ở Ninh Bình).

Các báo cáo về nhiễm độc thuốc bảo vệ thực vật nói chung và TNLD trong ngành sản xuất nông nghiệp chưa được cập nhật đầy đủ.

Bảng 29: Tình hình nhiễm độc thuốc bảo vệ thực vật.

TT	Nội dung	Năm 2008	Năm 2007
1	Số vụ nhiễm độc	6.807	4.670
2	Số trường hợp nhiễm độc	7.572	5.207
3	Số tử vong	137	106
	Trong đó: Do tự ý: Số ca	5.734	4.525
	Tử vong	125	101
	Do ăn uống: Số ca	453	540
	Tử vong	8	3
	Do lao động: Số ca	373	273
	Tử vong	4	2

5.3. Tình hình trợ cấp TNLĐ, BNN theo chế độ BHXH

Bảng 30: Tình hình thực hiện chế độ TNLĐ, BNN

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2006	Năm 2007	Ước năm 2008
I	Số đơn vị tham gia BHXH	Đơn vị	126.729	145.236	150.200
1	Khu vực hành chính sự nghiệp	Đơn vị	63.496	68.306	68.250
2	Khu vực sản xuất kinh doanh, trong đó:	Đơn vị	63.233	76.930	81.950
	Nhà nước	Đơn vị	8.287	8.014	7.950
	Tư nhân, TNHH...	Đơn vị	49.023	61.824	66.880
	Có vốn đầu tư nước ngoài	Đơn vị	5.923	7.092	7.120
II	Tổng số người tham gia BHXH	Người	6.745.778	8.179.002	8.591.700
1	Khu vực hành chính sự nghiệp	Người	2.585.199	3.444.207	3.429.100
2	Khu vực sản xuất kinh doanh, trong đó	Người	4.160.579	4.734.792	5.162.600
	Nhà nước	Người	1.397.936	1.367.166	1.342.000
	Tư nhân, TNHH...	Người	1.474.643	1.1.525.406	2.136.700
	Có vốn đầu tư nước ngoài	Người	1.288.000	1.842.220	1.683.900
III	Tổng số tiền thu BHXH	Triệu đồng	18.761.181	23.754.510	29.231.086
	Trong đó thu quỹ TNLĐ, BNN	Triệu đồng		1.187.345	1.461.200
IV	Tổng số tiền chi BHXH	Triệu đồng	25.981.000	33.780.948	45.055.109
V	Chế độ TNLĐ				
1	Tổng số người bị TNLĐ hưởng chế độ BHXH phát sinh trong năm	Người	5.161	5.144	5.680
	Khu vực hành chính sự nghiệp	Người	1.095	1.286	1.132
	Khu vực sản xuất kinh doanh	Người	4.066	4.372	4.527
1.1	Tổng số người chết do TNLĐ hưởng BHXH	Người	650	710	750
	Khu vực hành chính sự nghiệp	Người	59	57	64

	Khu vực sản xuất kinh doanh	Người	591	653	646
1.2	Số người mất khả năng LĐ từ 5-30%	Người	2.630	2.756	3.087
	Khu vực hành chính sự nghiệp	Người	752	827	957
	Khu vực sản xuất kinh doanh	Người	1.878	1.929	2.130
1.3	Số người mất khả năng LĐ từ 31-80%	Người	1.807	1.608	1.768
	Khu vực hành chính sự nghiệp	Người	256	241	283
	Khu vực sản xuất kinh doanh	Người	1.551	1.366	1.485
1.4	Số người mất khả năng LĐ từ 81-100%	Người	74	70	75
	Khu vực hành chính sự nghiệp	Người	4	4	5
	Khu vực sản xuất kinh doanh	Người	70	66	70
2	Tổng số người hưởng trợ cấp TNLĐ trong năm	Người	26.411	28.077	30.360
	Số người nhận trợ cấp hàng tháng có đến 31/12	Người	23.131	24.611	26.523
	Số người nhận trợ cấp một lần	Người	2.630	2.756	3.087
	Số người chết do TNLĐ hưởng trợ cấp	Người	650	710	750
3	Tổng số tiền trợ cấp BHXH về TNLĐ	triệu đồng	78.295	110.659	138.594
3.1	Cho người chết do TNLĐ	Triệu đồng	5.208	8.970	14.580
3.2	Cho mất khả năng LĐ từ 5-30%	Triệu đồng	6.470	16.199	25.267
3.3	Cho mất khả năng LĐ từ 31-100%	Triệu đồng	66.617	85.491	98.747
VI	Chế độ BNN				
1	Tổng số người bị BNN phát sinh trong năm	Người	691	742	871
	Trong đó:				
	Số người bị chết do BNN	Người			

	Số người nhận trợ cấp 1 lần do BNN	Người	320	386	444
	Số người nhận trợ cấp hàng tháng do BNN	Người	371	356	427
2	Người hưởng trợ cấp BNN hàng tháng có đến 31/12	Người	8.186	8.557	8.841
3	Số tiền trợ cấp cho BNN	Triệu đồng	23.048	32.373	40.563
	Trong đó				
	Trợ cấp một lần	Triệu đồng	876	2.335	6.066
	Trợ cấp hàng tháng	Triệu đồng	22.172	30.037	34.497

6. Tình hình cháy nổ và công tác phòng cháy chữa cháy

6.1- Tình hình cháy, nổ

Từ năm 2006 đến tháng 9/2008 xảy ra 4.653 vụ cháy (không kể cháy rừng), làm chết 116 người, bị thương 466 người, gây thiệt hại về tài sản trị giá 1.350 tỷ đồng. Trung bình mỗi năm xảy ra 1.551 vụ cháy, gây thiệt hại 450 tỷ đồng; mỗi ngày xảy ra 4 vụ, gây thiệt hại 1,23 tỷ đồng.

Bảng 31: Tình hình cháy và thiệt hại từ năm 2006 đến tháng 9/2008

Năm	Tổng số vụ cháy (vụ)	Thiệt hại		
		Số người chết	Số người bị thương	Tài sản (tỷ đồng)
2006	1.648	53	154	481,894
2007	1.879	43	171	423,507
9 tháng đầu năm 2008	1.126	20	141	444,943
Tổng	4.653	116	466	1.350,344

6.2 - Công tác PCCC

- Hàng năm, lực lượng cảnh sát PCCC đều chủ động phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng ở Trung ương và địa phương tổ chức tốt công tác tuyên truyền PCCC với những nội dung phong phú, sáng tạo tới mọi tầng lớp nhân dân và được hưởng ứng nồng nhiệt. Ngoài ra, toàn lực lượng còn trực tiếp tổ chức

nhều buổi nói chuyện chuyên đề về pháp luật và kiến thức PCCC; hướng dẫn các đơn vị tổ chức treo băng rôn, khẩu hiệu về PCCC; in và phát hành tờ rơi tuyên truyền, khuyến cáo về biện pháp an toàn PCCC trong sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh...; tổ chức nhiều lớp huấn luyện nghiệp vụ về PCCC cho các đối tượng (NSDLĐ, NLĐ, cán bộ, đội viên PCCC cơ sở, dân phòng); chỉ đạo và trực tiếp xây dựng mới và củng cố lực lượng PCCC cơ sở, dân phòng về nghiệp vụ và trang bị phương tiện để lực lượng này đủ khả năng đảm nhiệm được công tác PCCC tại cơ sở, đơn vị và nơi cư trú.

- Tăng cường công tác phòng ngừa nghiệp vụ như: Chỉ đạo toàn lực lượng thường xuyên tổ chức kiểm tra an toàn PCCC đối với các cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC; kiểm tra theo các chuyên đề PCCC chợ, trung tâm thương mại, PCCC khu chế xuất, khu công nghệ cao, PCCC điện, PCCC chung cư cao tầng, PCCC rừng... Toàn lực lượng Cảnh sát PCCC đã kiểm tra, phúc tra 172.423 lượt cơ sở, lập 172.434 biên bản kiểm tra; ban hành 8.453 công văn kiến nghị. Qua kiểm tra đã phát hiện và hướng dẫn, giúp các cơ sở khắc phục 124.764 thiếu sót vi phạm về PCCC; xử phạt hành chính 5.175 trường hợp vi phạm với số tiền hàng tỷ đồng.

- Toàn lực lượng Cảnh sát PCCC tổ chức tốt công tác thường trực sẵn sàng chiến đấu cả về lực lượng và phương tiện. Trong dịp lễ, Tết và những dịp diễn ra sự kiện lớn của đất nước, lực lượng Cảnh sát PCCC đã huy động quân số và phương tiện với khả năng cao nhất. Những vụ cháy xảy ra đã được lực lượng Cảnh sát PCCC tổ chức cứu chữa kịp thời và đạt hiệu quả cao, không để xảy ra cháy lớn. Hàng năm, riêng công tác chữa cháy, lực lượng Cảnh sát PCCC đã cứu và hướng dẫn thoát nạn được hàng ngàn người; bảo vệ được khối lượng tài sản, hàng hoá không bị cháy với trị giá hàng ngàn tỷ đồng.

- Tuy nhiên, hiện nay với mức yêu cầu trang bị tối thiểu thì lực lượng Cảnh sát PCCC trong cả nước vẫn thiếu tới trên 2.600 đầu phương tiện chữa cháy với số kinh phí trên 3.000 tỷ đồng.

7. Hoạt động của hệ thống công đoàn, mạng lưới an toàn - vệ sinh viên trong công tác ATVSLĐ

Bảng 32: Các hoạt động của hệ thống công đoàn, ATVSV

TT	Nội dung	Năm 2006	Năm 2007	6 tháng đầu năm 2008
1	Số ATVSV	163.911	157.079	Chưa thống kê
2	Thi ATVSV giỏi	- 815 cuộc thi cấp cơ sở; - 08 cuộc thi cấp tỉnh, ngành	- 451 cuộc thi cấp cơ sở; - 48 cuộc thi cấp tỉnh, ngành; - Hội thi toàn quốc lần thứ III	- 521 cuộc thi cấp cơ sở; - 01 cuộc thi cấp tỉnh, ngành;

3	Tổ chức kiểm tra, hướng dẫn ATVSLĐ	7.213 cơ sở	9.058 cơ sở	1161 cơ sở
4	Xây dựng câu lạc bộ, góc BHLĐ		- 02 câu lạc bộ BHLĐ cấp tỉnh - 07 góc BHLĐ ở cơ sở	06 góc BHLĐ ở cơ sở

8. Hoạt động nghiên cứu, khoa học về ATVSLĐ

Bảng 33: Danh mục các đề tài nghiên cứu khoa học

STT	Tên và cấp đề tài	Năm nghiên cứu	Đơn vị chủ trì
1	Cụm thiết bị xử lý môi trường nguyên khối (sản phẩm đoạt Cúp Vàng Chợ Công nghệ VN 2005 tại TP. HCM)	2005	Trạm QT&PT MTLĐ, NILP
2	Máy đập lúa an toàn (sản phẩm đoạt Cúp Vàng Chợ Công nghệ VN 2005 tại TP. HCM)	2005	Trung tâm ATLĐ, NILP
3	Khảo sát nghiên cứu thực trạng ATVSLĐ tại 4 tỉnh Nghệ An, Khánh Hoà, Lâm Đồng, Hà Tây	2006	Hội KHKT ATVSLĐ
4	Nghiên cứu ứng dụng một số giải pháp để đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, huấn luyện, phổ biến kiến thức về ATVSLĐ trong các cơ sở sản xuất kinh doanh vừa và nhỏ	2005-2006	Hội KHKT ATVSLĐ
5	“Bệnh bụi phổi do tiếp xúc nghề nghiệp với bột Tal trong một số ngành công nghiệp đặc thù”	2005-2007	NIOEH
6	“Gánh nặng tai nạn và chấn thương nghề nghiệp ở ngành xây dựng, giải pháp can thiệp”	2005-2007	NIOEH
7	Nghiên cứu khảo sát thực trạng an toàn, sức khỏe nghề nghiệp và thực thi pháp luật liên quan đến an toàn - sức khỏe nghề nghiệp của các doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động có sản phẩm xuất khẩu và sử dụng công nghệ mới	2006-2008	Hội KHKT ATVSLĐ
8	Đánh giá ảnh hưởng của ô nhiễm môi trường lao động đến sức khỏe của NLĐ trong một số doanh nghiệp trọng điểm và	2006-2008	NIOEH

	có nguy cơ cao, đề xuất các giải pháp quản lý môi trường và bảo vệ sức khoẻ NLD.		
9	Nghiên cứu mô hình giảm nhẹ hậu quả cho sức khoẻ ở một số làng nghề.	2006-2009	NIOEH
10	Nghiên cứu ô nhiễm môi trường tới sức khoẻ bệnh tật của cộng đồng dân cư khu vực Công ty Supe và Hoá chất Lâm Thao, Phú Thọ. Đề xuất giải pháp khắc phục (đề tài cấp nhà nước).	2007-2009	NIOEH
11	“Xây dựng tiêu chuẩn TCVN về Y học lao động và VSMT”	2007- 2008	NIOEH
12	Robot mini di động thay người ở các khâu sản xuất nguy hiểm có hại	2007	Trung tâm ATLĐ, NILP
13	Thiết bị tự động cắt điện áp không tải	2007	Trung tâm ATLĐ, NILP
14	Máy cưa đĩa an toàn	2007	Trung tâm ATLĐ, NILP
15	Hệ thống thiết bị đánh giá hiệu quả lọc hơi sương dầu cho các loại khẩu trang bán mặt nạ	2007	Trung tâm ATLĐ, NILP
16	Thiết bị xử lý khí thải cho các lò đốt rác y tế công suất nhỏ	2007	Trung tâm khoa học môi trường và phương tiện bảo vệ, NILP
17	Nghiên cứu rối loạn cơ xương - đề xuất danh mục và giải pháp dự phòng -	2007	Trung tâm Khoa học con người và Sức khoẻ lao động, NILP
18	Động cơ lưỡng nhiên liệu phục vụ sản xuất nông nghiệp ở miền Trung - sản phẩm đoạt Cúp Vàng Chợ Công nghệ Việt nam 2007 tại Đà Nẵng -	2007	Phân Viện BHLĐ&BVMT miền Trung Tây Nguyên, NILP
19	Các cơ cấu an toàn cho các máy chế biến gỗ	2007	Trung tâm ATLĐ, NILP
20	Thiết bị giảm rung bằng bộ tắt chấn động lực	2007	Trung tâm ATLĐ, NILP
21	Thiết bị chứa cấp hơi khí độc cho các hệ thống thử nghiệm	2007	Trung tâm ATLĐ, NILP
22	Chương trình huấn luyện ATVSLĐ bằng	2007	Phân Viện

	tình huống mô phỏng		BHLĐ&BVMT miền Trung - Tây Nguyên - NILP
23	Đánh giá hiệu quả của các giải pháp cải thiện MTLĐ và BVMT	2007	NILP
24	Phương pháp đánh giá định lượng nguy cơ TNLĐ bằng lý thuyết suy luận mờ	2007	Phân Viện BHLĐ&BVMT miền Nam - NILP
25	Cụm thiết bị xử lý nước cấp sinh hoạt cho NLĐ nông nghiệp ở các vùng ngập lụt miền Trung	2007	Phân Viện BHLĐ&BVMT miền Trung Tây Nguyên - NILP
26	Giải pháp hạn chế tác động kết hợp của rung ồn tới NLĐ sử dụng các thiết bị rung cầm tay	2007	Trung tâm Sức khỏe nghề nghiệp - NILP
27	Gánh nặng lao động trên dây chuyền hoàn thành của NLĐ ngành da giày	2007	Trung tâm KH Con người và Sức khỏe lao động - NILP
28	Giải pháp ATVSLĐ trong ngành đóng sửa chữa tàu thủy	2007	Trung tâm khoa học môi trường và phương tiện bảo vệ - NILP
29	Thiết bị xử lý nước vùng cao bằng phương pháp lọc trọng lực	2007	Trạm Quan trắc và Phân tích môi trường lao động - NILP
30	Nghiên cứu đánh giá thực trạng công tác giảng dạy ATVSLĐ trong các trường đại học, cao đẳng, khối kỹ thuật công nghệ; đề xuất các nội dung mới cho tài liệu hướng phù hợp với các trường đại học kỹ thuật công nghệ; dự thảo tiêu chí Tài liệu khung về ATVSLĐ cho các trường đại học khối kỹ thuật.	2007	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội
31	Nghiên cứu những biện pháp tuyên truyền, phổ biến về ATVSLĐ tại các doanh nghiệp.	2007	Cục ATLĐ
32	Điều tra tỷ lệ mắc mới các BNN - Điều tra tỷ lệ mắc mới: Bệnh bụi phổi Silic, bệnh đỉc và bệnh sạm da nghề	2007-2009	NIOEH, Trường Đại học Y tế công

	nghiệp. - Điều tra xác định tỷ lệ mắc mới viêm gan vi rút nghề nghiệp.		cộng
33	“Nghiên cứu tình trạng bệnh da tiếp xúc ở công nhân sản xuất và chế biến cao su tự nhiên”.	2007-2009	NIOEH
34	Nghiên cứu thực trạng chấn thương do tai nạn giao thông đường bộ ở một số khu vực trọng điểm	2007-2009	NIOEH
35	Nghiên cứu và đề xuất giải pháp tăng cường năng lực các TTYTDP trong đáp ứng nhanh với bệnh do ô nhiễm môi trường và sản xuất công nghiệp.	2007-2009	NIOEH
36	Nghiên cứu biến đổi điện não đồ của điều độ viên chỉ huy chạy tàu trước và sau ca lao động.		NIOEH
37	Khảo sát Ergonomi vị trí lao động, phân tích yếu tố nguy cơ tại một số cơ sở sản xuất cơ khí vừa và nhỏ.		NIOEH
38	Nghiên cứu đề xuất các giải pháp để thực hiện xã hội hoá công tác ATVSLĐ ở Việt Nam.	2007-2009	Hội KHKT ATVSLĐ
39	Xây dựng mô hình can thiệp phòng chống BNN: - Xây dựng và hoàn chỉnh 04 mô hình phòng chống các BNN cơ bản: bệnh bụi phổi silic, đỉc nghề nghiệp, sạm da và viêm gan virus ở nhân viên y tế. - Triển khai mô hình phòng chống BNN tại 10 tỉnh công nghiệp trọng điểm, tập trung vào các cơ sở sản xuất có nguy cơ gây bệnh đỉc nghề nghiệp, bụi phổi silic (Kiên Giang, Đà Nẵng, Thừa Thiên Huế, Thái Nguyên,...), bệnh viêm gan virus (Vĩnh Phúc, Thừa Thiên Huế,...).	2008	Cục Y tế dự phòng và Môi trường, các Viện, y tế 10 địa phương
40	“Xây dựng mô hình thí điểm về quản lý và xử lý chất thải bệnh viện tuyến huyện”.	2008	NIOEH
41	Tham gia chương trình phòng chống BNN Quốc gia của BYT: + Điều tra tỷ lệ mới mắc của 3 BNN phổ biến: bụi phổi silic, đỉc nghề nghiệp, sạm da nghề nghiệp tại các cơ sở sản		NIOEH

	<p>xuất của Hà Nội, Quảng Ninh, Thái Nguyên, Hà Nam, TP HCM.</p> <p>+ Xây dựng mô hình phòng chống viêm gan virus nghề nghiệp và giám sát việc triển khai mô hình tại 3 tỉnh trọng điểm của Miền Bắc: Thái Nguyên, Vĩnh Phúc, Quảng Ninh.</p> <p>+ Bổ sung bệnh HIV/AIDS, nhiễm độc Cadimi, rung tần số thấp vào danh mục BNN được bảo hiểm của Việt Nam.</p> <p>+ Xây dựng Tiêu chuẩn chẩn đoán các BNN mới được bổ sung vào danh mục BNN</p>		
42	Nghiên cứu phân tích hóa chất BVTV tồn trong đất và đề xuất giải pháp	2008	Trạm Quan trắc và Phân tích môi trường lao động - NILP
43	Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo hệ thống xử lý nước thải có chứa kim loại nặng	2008	Trạm Quan trắc và Phân tích môi trường lao động - NILP
44	Nghiên cứu hệ thống hoá và chuẩn hoá các loại cọc tiêu, rào chắn và biển báo an toàn dùng trong sản xuất. Bước đầu thiết kế, chế tạo và áp dụng thử.	2008	Trung tâm Khoa học ATLĐ - NILP
45	Nghiên cứu đánh giá tình trạng chất lượng phương tiện bảo vệ cá nhân trên thị trường và biên soạn tài liệu hướng dẫn sử dụng.	2008	Trung tâm Khoa học ATLĐ - NILP
46	Nghiên cứu đề xuất một số giải pháp cải thiện môi trường lao động và BVMT cho ngành khai thác và chế biến khoáng sản mỏ lộ thiên.	2008	Trung tâm khoa học môi trường và phương tiện bảo vệ - NILP
47	Nghiên cứu xây dựng qui chuẩn an toàn cho các cơ sở thuộc một số ngành công nghiệp có sử dụng nguồn phóng xạ trong quá trình sản xuất.	2008	NILP
48	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin nhằm dự báo nguy cơ TNLD và BNN trong ngành xây dựng áp dụng cho các cơ sở xây dựng ở TP. Hồ Chí Minh.	2008	Phân Viện BHLĐ miền Nam- NILP
49	Nghiên cứu hiện trạng an toàn vệ sinh lao động trong ngành thu gom, tồn trữ và xử lý rác và chất thải nguy hại tại TP. Hồ	2008	Phân Viện BHLĐ miền Nam- NILP

	Chí Minh và đề xuất giải pháp cải thiện.		
50	Nghiên cứu xây dựng hệ thống xử lý nước thải cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ có sử dụng hệ thống mạ điện kim loại ở khu công nghiệp mới mở rộng của Đà Nẵng.	2008	Phân Viện BHLĐ&BVMT miền Trung - Tây Nguyên - NILP
51	Nghiên cứu đề xuất ứng dụng một số giải pháp cải thiện điều kiện làm việc cho NLĐ làm cầu đường bộ khu vực miền Trung-Tây Nguyên.	2008	Phân Viện BHLĐ&BVMT miền Trung - Tây Nguyên - NILP
52	Nghiên cứu quan hệ giữa các yếu tố tâm lý xã hội nơi làm việc với rối loạn cơ xương trong công nhân ngành chế biến thủy sản.	2008	Trung tâm Khoa học về Con người và sức khỏe lao động - NILP
53	Nghiên cứu xây dựng 4 bộ tài liệu huấn luyện về ATLĐ trong lĩnh vực: + <i>Xây dựng trên cao</i> + <i>Khoan và xây lắp công trình ngầm và hầm tụy nen</i> + <i>Phá dỡ công trình cũ, cầu chuyển và lắp dựng các cấu kiện siêu trường siêu trọng,</i> + <i>Bảo dưỡng và sửa chữa các công trình nhà chung cư, nhà làm việc cao tầng.</i>	2008	Bộ Xây dựng
54	Nghiên cứu Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mạng lưới BHLĐ trong các Tổng công ty theo mô hình Mẹ – Con.	2008	Bộ Xây dựng
55	Nghiên cứu, biên soạn chương trình, giáo trình giảng dạy về ATVSLĐ cho các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp khối xây dựng, công trình	2008	Trường Đại học Xây dựng -
56	Thực trạng tình hình giảng dạy về phòng chống chấn thương trong hoạt động thể dục thể thao và đề xuất các nội dung đưa vào xây dựng chương trình môn học về phòng chống chấn thương trong hoạt động thể dục thể thao	2008	Trường Đại học Sư phạm thể dục thể thao Hà tây
57	Chương trình môn học giảng dạy về ATVSLĐ cho các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp khối khoa học giáo dục	2008	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

58	Nghiên cứu đánh giá thực trạng tình hình giảng dạy về ATLĐ, BHLĐ trong các trường ĐH, CĐ, TCCN khối kinh tế và biên soạn Chương trình môn học về ATVSLĐ cho các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp khối kinh tế	2008	Trường Đại học kinh tế quốc dân
59	Giáo trình thử nghiệm về ATVSLĐ trong nông nghiệp cho khối lâm – ngư - Đề xuất thời lượng giảng dạy thử nghiệm cho các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp khối lâm – ngư - Thử nghiệm giáo trình ở một số trường đại diện	2008	Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội
60	Nghiên cứu định hướng ATVSLĐ cho 4 tỉnh dự án	2008	PGS.TS Nguyễn Ngọc Ngà - Hội YHLĐ
61	Nghiên cứu xây dựng mô hình CTĐKLD	2008	OSHTC
62	Nghiên cứu đề xuất các chế độ chính sách và giải pháp để đảm bảo an toàn, phòng chống TNLĐ, BNN, bảo vệ tính mạng và sức khỏe của các nghệ sĩ hoạt động trong lĩnh vực xiếc, múa và điện ảnh	2008-2010	VOSHA

9. Các hoạt động hợp tác quốc tế liên quan đến công tác ATVSLĐ-PCCN

Bảng 34: Danh mục các hoạt động hợp tác quốc tế

STT	Tên chương trình, dự án, hoạt động	Đối tác	Đối tượng thụ hưởng
1	Nâng cao năng lực hoạt động trong lĩnh vực Sức khỏe nghề nghiệp và Vệ sinh môi trường: - Hợp tác với WHO + Đào tạo nâng cao năng lực công nghệ thông tin trong báo cáo về y tế lao động (2006) + Tham dự Hội nghị Y học lao động quốc tế (ICOH) 2006 tại Milan , Ý (2006) + Biên soạn tài liệu đào tạo về ATVSLĐ và Phòng chống BNN trong các cơ sở y tế (2007)	WHO, Trường Đại học Oa-sinh-ton	NIOEH

	<ul style="list-style-type: none"> + Nghiên cứu xây dựng Tiêu chuẩn sức khoẻ khám tuyến và khám định kỳ cho nhân viên y tế tiếp xúc với bức xạ ion hoá và yếu tố vi sinh vật (2006-2007) + Nghiên cứu gánh nặng chấn thương nghề nghiệp ở công nhân đóng tàu (2007) + Nghiên cứu lao động trẻ em và yếu tố ảnh hưởng sức khoẻ trẻ em ở một số làng nghề (2007) + Xây dựng hướng dẫn giám sát môi trường lao động và sức khoẻ công nhân có nguy cơ cao mắc bệnh bụi phổi amiăng (2008) + Biên soạn, sửa đổi thường qui kỹ thuật y học lao động (2008-2009) - Hợp tác với Trường Đại học Washington: <ul style="list-style-type: none"> + Chương trình đào tạo về nâng cao năng lực về YHLD (Hướng dẫn đọc phim, chẩn đoán bệnh bụi phổi silíc, Ecgônômi ứng dụng, Kinh tế y tế, Chi phí-hiệu quả, vv) 		
2	“Nghiên cứu tai nạn thương tích và tổn thương nghề nghiệp ở người dân xã Xuân Tiến – Xuân Trường – Nam Định”	“Dự án hợp tác với Viện nghiên cứu an toàn Liberty Mutual, Hoa Kỳ	NIOEH
3	“Nghiên cứu xử lý kim loại nặng trong nước thải”	Dự án hợp tác với DANIDA	NIOEH
4	Xây dựng mô hình quản lý, giám sát ATVSLĐ và Bảo vệ môi trường cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Đã hoàn thành dự án ở Hải Dương (2007) và chuẩn bị kết thúc ở Hải Phòng (cuối 2008).	Chương trình hợp tác với OXFAM (CĐĐK Bỉ) 3 giai đoạn 2006-2008	NILP
5	Chương trình Hợp tác với JISHA trong đào tạo, trao đổi kinh nghiệm cán bộ làm công tác ATVSLĐ hàng năm	JISHA, Nhật Bản	NILP
6	Nâng cao hiệu quả, chất lượng và hình thức hoạt động ATVSLĐ và BVMT cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ ngoài quốc doanh.	APHEDA , Australia pha 3, giai đoạn 2006-2010	NILP

7	Dự án hợp tác triển khai và nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động ATVSLĐ&BVMT cho ngành khai thác chế biến thủy sản khu vực miền Trung Tây Nguyên.	Quỹ Công đoàn NaUy	NILP
8	Chương trình hợp tác ATVSLĐ khu vực ASEAN về đẩy mạnh hoạt động ATVSLĐ trong ngành Dịch vụ.	ASEAN	NILP chủ trì và điều hành
9	Chương trình hợp tác với về nâng cao nhận thức ATVSLĐ cho NLĐ ngành sản xuất hàng tiêu dùng và da giày.	UNISON (Anh)	NILP
10	Dự án Xây dựng và Phát triển Nhà Triển lãm ATVSLĐ ở Hà Nội (liên tục từ năm 2006).	Các tổ chức quốc tế về ATVSLĐ, các doanh nghiệp của CHLB Đức	NILP
11	Tham quan học tập, tham gia hội thảo, các khoá đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ PCCC, cứu hộ, cứu nạn như: An toàn cháy các toà nhà và công trình; các kỹ năng về PCCC...	Nhật Bản, Hoa Kỳ, Thái Lan, Ấn Độ, Cộng hoà Be-la-rút, Trung Quốc và Ma-lai-xi-a.	Lực lượng Cảnh sát PCCC
12	Đầu tư trang bị thêm phương tiện chữa cháy, cứu hộ cứu nạn,	Nhật Bản	Lực lượng Cảnh sát PCCC
13	Y học lao động	WHO, ILO, Hoa Kỳ, Pháp, Thụy Điển, Canada, Singapore	BYT
14	Tổ chức tập huấn ATVSLĐ cho Việt Nam	Hội đồng An toàn Xin-ga-po	VOSHA
15	Dự án Hỗ trợ chương trình khu vực doanh nghiệp - Hợp phần 2: Cải thiện ĐKLĐ	Đan Mạch 2005-2010	BLĐTBXH (Cục ATLĐ), VGCL, VCCI, các tỉnh Khánh Hoà, Lâm Đồng, Hà Tây (Hà Nội), Nghệ An

16	Dự án “Nâng cao năng lực huấn luyện về ATVSLĐ”	Luých-xăm-bua 2006-2008	BLĐTBXH
----	--	----------------------------	---------

10. Các hoạt động thường xuyên và sắp tới liên quan đến công tác ATVSLĐ, kể cả hợp tác quốc tế nhằm thúc đẩy, cải thiện các chương trình và hoạt động ATVSLĐ cấp quốc gia để hỗ trợ cải thiện an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc

- Triển khai xây dựng các văn bản hướng dẫn, các tiêu chuẩn, quy trình kỹ thuật; chuyên đổi các qui trình kỹ thuật an toàn lao động và chuẩn bị cho xây dựng luật ATVSLĐ.

- Đẩy mạnh các hoạt động thông tin tuyên truyền, phổ biến pháp luật và kiến thức về ATVSLĐ

- Tăng cường cho các hoạt động đào tạo, huấn luyện; Tổ chức biên soạn các tài liệu, giáo trình.

- Kiện toàn tổ chức và củng cố mạng lưới y tế lao động tại các tuyến tỉnh và Bộ, ngành như: Thành lập các Trung tâm sức khỏe lao động và môi trường tại các tỉnh, thành phố công nghiệp trọng điểm như Hà Nội, Quảng Ninh, Thái Nguyên, Đà Nẵng; Xây dựng các khoa điều trị BNN tại các bệnh viện tỉnh, thành phố trọng điểm công nghiệp và tại bệnh viện trung ương.

- Tập trung triển khai các hoạt động của Chương trình quốc gia về BHLĐ, ATLĐ, VSLĐ đến năm 2010, Chính sách phòng chống tai nạn thương tích

- Tăng cường kiểm tra, thanh tra công tác ATVSLĐ-PCCN, đặc biệt là các lĩnh vực có nguy cơ, rủi ro cao như khai thác than, khai thác đá, xây dựng, điện và các khu vực có nguy cơ cháy nổ cao; Xử lý nghiêm các vụ vi phạm

11. Số doanh nghiệp, số lao động và mức thu nhập theo ngành kinh tế

Bảng 35: Số doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh

TT		Số doanh nghiệp (đến 31/12/06)	Tốc độ phát triển (%) 2006/2005
	Tổng số	131.318	116,26
CHIA THEO KHU VỰC VÀ THÀNH PHẦN KINH TẾ			
1	Khu vực doanh nghiệp Nhà nước	3.706	90,69
	- DN nhà nước Trung ương	1744	95,56
	- DN nhà nước địa phương	1962	86,77
2	Khu vực doanh nghiệp ngoài Nhà nước	123.392	117,33
	- DN tập thể	6.219	98,18

	- DN tư nhân	37.323	107,73
	- Công ty hợp danh	31	83,78
	- Công ty TNHH tư nhân	63.658	121,24
	- Công ty cổ phần có vốn nhà nước	1.360	124,08
	- Công ty cổ phần không có vốn nhà nước	14.801	140,31
3	Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	4.220	114,14
	- 100% vốn nước ngoài	3.342	117,18
	- DN liên doanh với nước ngoài	878	103,90
	chia theo ngành sản xuất kinh doanh chính		
1	Nông nghiệp và Lâm nghiệp	1.092	101,96
2	Thủy sản	1.307	96,24
3	Công nghiệp khai thác mỏ	1.369	107,20
4	Công nghiệp chế biến	26.863	111,10
5	SX, phân phối điện, khí đốt nước	2.554	106,11
6	Xây dựng	17.783	116,59
7	Thương nghiệp, sửa chữa xe có động cơ	52.505	117,57
8	Khách sạn và nhà hàng	5.116	108,16
9	Vận tải kho bãi, thông tin liên lạc	7.695	113,93
10	Tài chính tín dụng	1.741	152,85
11	Hoạt động Khoa học, công nghệ	33	137,50
12	Hoạt động liên quan đến kinh doanh tài sản, dịch vụ tư vấn	11.050	127,39
13	Giáo dục đào tạo	785	199,74
14	Y tế và hoạt động cứu trợ xã hội	256	124,27
15	Hoạt động văn hoá, thể thao	491	123,67
16	Hoạt động phục vụ cá nhân, công cộng	670	112,60

(Nguồn: Niên giám thống kê của Tổng cục thống kê điều tra 2007)

Bảng 36: Lao động và thu nhập bình quân chia theo ngành kinh tế năm 2007 (ước tính sơ bộ)

TT	Ngành kinh tế	Lao động (người)	Thu nhập bình quân người/ tháng (đồng)
-----------	----------------------	-----------------------------	---

1	Nông lâm nghiệp	22.176.400	264.263
2	Thủy sản	1.634.400	617.504
3	Công nghiệp khai thác mỏ	397.500	4.721.174
4	Công nghiệp chế biến	5.963.100	1.583.097
5	SX, phân phối điện, khí đốt nước	197.000	5.967.851
6	Xây dựng	2.267.700	1.573.694
7	Thương nghiệp, sửa chữa xe có động cơ	5.291.700	1.187.976
	Khách sạn và nhà hàng	813.900	1.747.860
9	Vận tải kho bãi, thông tin liên lạc	1.217.300	1.275.226
10	Tài chính tín dụng	209.900	3.830.792
11	Hoạt động Khoa học, công nghệ	26.900	8.482.032
12	Hoạt động liên quan đến kinh doanh tài sản, dịch vụ tư vấn	216.000	6.123.456
13	Quản lý nhà nước, An ninh quốc phòng, bảo đảm xã hội bắt buộc	793.200	1.281.307
14	Giáo dục đào tạo	1.356.600	950.108
15	Y tế và hoạt động cứu trợ xã hội	384.300	1.424.234
16	Hoạt động văn hoá, thể thao	136.400	1.536.534
17	Hoạt động Đảng, Đoàn thể, hiệp hội	192.900	212.113
18	Hoạt động phục vụ cá nhân, công cộng	896.700	823.389
Tổng số lao động/ thu nhập bình quân lao động/tháng		44.171.900	870.544

Phụ lục 1

DANH MỤC CÁC LOẠI MÁY, THIẾT BỊ, VẬT TƯ CÓ YÊU CẦU NGHIÊM NGẶT VỀ AN TOÀN LAO ĐỘNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2008/TT-BLĐTBXH ngày 27/02/2008
của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội)

1. Nồi hơi các loại (bao gồm cả bộ quá nhiệt và bộ hâm nước) có áp suất làm việc định mức của hơi trên 0,7 bar (theo phân loại tại Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6004: 1995);
2. Nồi đun nước nóng có nhiệt độ môi chất trên 115°C (theo phân loại tại Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6004: 1995);
3. Các bình chịu áp lực có áp suất làm việc định mức cao hơn 0,7 bar (không kể áp suất thủy tĩnh) (theo phân loại tại Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6153: 1996);
4. Bể (xi téc) và thùng dùng để chứa, chuyên chở khí hoá lỏng hoặc các chất lỏng có áp suất làm việc cao hơn 0,7 bar hoặc chất lỏng hay chất rắn dạng bột không có áp suất nhưng khi tháo ra dùng khí có áp suất cao hơn 0,7 bar (theo phân loại tại Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6153: 1996);
5. Hệ thống lạnh các loại (theo phân loại tại Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6104: 1996), trừ hệ thống lạnh có môi chất làm việc bằng nước, không khí; hệ thống lạnh có lượng môi chất nạp vào nhỏ hơn 5 kg đối với môi chất làm lạnh thuộc nhóm 1, nhỏ hơn 2,5 kg đối với môi chất lạnh thuộc nhóm 2, không giới hạn lượng môi chất nạp đối với môi chất lạnh thuộc nhóm 3;
6. Đường ống dẫn hơi nước, nước nóng cấp I và II có đường kính ngoài từ 51 mm trở lên, các đường ống dẫn cấp III và cấp IV có đường kính ngoài từ 76 mm trở lên (theo phân loại tại Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6158 và 6159: 1996);
7. Các đường ống dẫn khí đốt cố định bằng kim loại;
8. Cần trục các loại: Cần trục ô tô, cần trục bánh lốp, cần trục bánh xích, cần trục đường sắt, cần trục tháp, cần trục chân đế, cần trục công xôn, cần trục thiếu nhi;
9. Cầu trục: Cầu trục lặn, cầu trục treo;
10. Cổng trục: Cổng trục, nửa cổng trục;
11. Trục cáp chở hàng; trục cáp chở người; trục cáp trong các máy thi công, trục tải giêng nghiêng; cáp treo vận chuyển người;
12. Pa lăng điện; Palăng kéo tay có tải trọng từ 1.000 kg trở lên;
13. Xe tời điện chạy trên ray;
14. Tời điện dùng để nâng tải, kéo tải theo phương nghiêng; bàn nâng, sàn nâng dùng để nâng người;
15. Tời thủ công có tải trọng từ 1.000 kg trở lên;
16. Máy vận thăng nâng hàng; máy vận thăng nâng hàng kèm người; máy vận thăng nâng người;
17. Chai dùng để chứa, chuyên chở khí nén, khí hoá lỏng, khí hoà tan có áp suất làm việc cao hơn 0,7 bar (theo phân loại tại Tiêu chuẩn Việt Nam

- TCVN 6153: 1996 và Tiêu chuẩn ISO 1119-2002 chế tạo chai gas hình trụ bằng composite);
18. Hệ thống điều chế, nạp khí, khí hoá lỏng, khí hoà tan;
 19. Thang máy các loại;
 20. Thang cuốn; băng tải chở người;
 21. Các loại thuốc nổ;
 22. Phương tiện nổ (kíp, dây nổ, dây cháy chậm ...);
 23. Xe nâng hàng dùng động cơ có tải trọng từ 1.000 kg trở lên, xe nâng người tự hành;
 24. Công trình vui chơi công cộng: Sàn biểu diễn di động; trò chơi mang theo người lên cao từ 2 m trở lên, tốc độ di chuyển của người từ 3 m/s so với sàn cố định (tàu lượn, đu quay, máng trượt, ...) trừ các phương tiện thi đấu thể thao).

